

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH  
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

BÙI VĂN KHIẾT (Tổng Chủ biên)  
CAO VĂN GIÁP – ĐỖ THỊ HƯƠNG BƯỞI (Đồng Chủ biên)  
ĐOÀN VĂN HIỆU – LÊ THỊ PHƯƠNG LAN – NGUYỄN THỊ HƯƠNG  
TẠ THỊ THANH CHUNG – VŨ THỊ HUYỀN – NGUYỄN THU NGA – ĐINH VĂN VIỄN  
LÊ THỊ DUYẾN – PHẠM THỊ CHUYỂN HẠNH – TRẦN THỊ THANH THUY  
VŨ ĐẠI AN – VŨ THỊ MAI HUẾ – VŨ THỊ LỆ HẰNG – VŨ THỊ PHƯƠNG  
NGÔ VĂN TỚI – LẠI NGỌC TIẾN – HOÀNG THỊ HUYỀN

TÀI LIỆU  
GIÁO DỤC ĐỊA PHƯƠNG  
Tỉnh NINH BÌNH



BẢN MẪU

**TÀI LIỆU GIÁO DỤC ĐỊA PHƯƠNG TỈNH NINH BÌNH – LỚP 10**

Ủy ban Nhân dân tỉnh Ninh Bình  
Sở Giáo dục và Đào tạo

## LỜI NÓI ĐẦU

Các em học sinh thân mến!

Cuốn *Tài liệu Giáo dục địa phương tỉnh Ninh Bình – Lớp 10* sẽ đồng hành cùng các em khám phá lịch sử, truyền thống, văn hoá và những vấn đề chính trị, kinh tế, xã hội... đang diễn ra trên mảnh đất quê hương.

Tài liệu được biên soạn với cấu trúc và nội dung hợp lí, gồm 6 chủ đề:

- Di tích lịch sử – văn hoá tỉnh Ninh Bình
- Nguồn lực phát triển kinh tế – xã hội tỉnh Ninh Bình
- Ca dao – dân ca tỉnh Ninh Bình
- Thơ trung đại tỉnh Ninh Bình
- Sự chuyển dịch nghề nghiệp và lao động ở tỉnh Ninh Bình dưới tác động của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư
- Nông nghiệp thông minh ở tỉnh Ninh Bình

Cùng với các môn học khác trong Chương trình giáo dục phổ thông 2018, *Tài liệu Giáo dục địa phương tỉnh Ninh Bình – Lớp 10* sẽ góp phần giúp các em phát triển toàn diện các năng lực, phẩm chất cần có. Từ những hiểu biết về nơi mình đang sống, các em sẽ tích cực vận dụng kiến thức vào giải quyết các vấn đề thực tiễn, gìn giữ, phát huy các giá trị văn hoá, thêm yêu và đóng góp nhiều hơn cho sự phát triển của quê hương mình.

Hi vọng rằng, tài liệu sẽ mang đến cho các em nhiều điều bổ ích và thú vị về những nét đặc trưng của vùng đất cố đô văn hiến. Chúc các em có những giờ học tập thật vui vẻ và hiệu quả.

Hãy yêu và giữ gìn cuốn sách này, các em nhé!

**BAN BIÊN SOẠN**

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
LỜI NÓI ĐẦU.....	3
Chủ đề 1. DI TÍCH LỊCH SỬ – VĂN HOÁ TỈNH NINH BÌNH .....	5
Chủ đề 2. NGUỒN LỰC PHÁT TRIỂN KINH TẾ – XÃ HỘI TỈNH NINH BÌNH .....	32
Bài 1. NGUỒN LỰC VỀ TỰ NHIÊN VÀ KINH TẾ – XÃ HỘI TỈNH NINH BÌNH .....	33
Bài 2. THỰC HÀNH: VIẾT BÁO CÁO VỀ ẢNH HƯỞNG CỦA NGUỒN LỰC ĐẾN SỰ PHÁT TRIỂN MỘT NGÀNH KINH TẾ Ở ĐỊA PHƯƠNG.....	47
Chủ đề 3. CA DAO – DÂN CA NINH BÌNH .....	48
Bài 1. DÂN CA NINH BÌNH .....	48
Bài 2. CA DAO NINH BÌNH .....	53
Chủ đề 4. THƠ TRUNG ĐẠI NINH BÌNH.....	55
Bài 1. TAM QUÁ HẢI VÂN .....	55
Bài 2. XUÂN .....	59
Chủ đề 5. SỰ CHUYỂN DỊCH NGHỀ NGHIỆP VÀ LAO ĐỘNG Ở TỈNH NINH BÌNH DƯỚI TÁC ĐỘNG CỦA CUỘC CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP LẦN THỨ TƯ .....	62
Chủ đề 6. NÔNG NGHIỆP THÔNG MINH TỈNH NINH BÌNH .....	74
Bài 1. PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP THÔNG MINH Ở TỈNH NINH BÌNH .....	74
Bài 2. MỘT SỐ MÔ HÌNH NÔNG NGHIỆP THÔNG MINH Ở TỈNH NINH BÌNH .....	79
BẢNG GIẢI THÍCH THUẬT NGỮ .....	80
TÀI LIỆU THAM KHẢO .....	80
BẢN QUYỀN/NGUỒN HÌNH ẢNH.....	80
NGUỒN BẢNG SỐ LIỆU.....	80

# Chủ đề 1

## DI TÍCH LỊCH SỬ – VĂN HOÁ TỈNH NINH BÌNH

**Học xong chủ đề này, em sẽ:**

- Nêu được những vấn đề chung về di tích lịch sử – văn hoá của tỉnh Ninh Bình: khái niệm, phân loại và xếp hạng, giá trị, đặc điểm.
- Trình bày được giá trị và ý nghĩa của một số di tích lịch sử – văn hoá tiêu biểu của tỉnh Ninh Bình.
- Thực hiện được một dự án/sản phẩm học tập về di tích lịch sử – văn hoá tiêu biểu ở địa phương.
- Có thái độ trân trọng giá trị của di tích lịch sử – văn hoá và đề xuất được một số biện pháp để bảo tồn, phát huy giá trị của các di tích.

### A. MỞ ĐẦU

Mỗi vùng đất đều mang trong mình những câu chuyện, những kí ức được lưu giữ qua hàng trăm, hàng nghìn năm. Di tích lịch sử – văn hoá chính là những “trang sử sống” kể lại những câu chuyện đó, là cầu nối giữa quá khứ, hiện tại và tương lai, đồng thời định hình nên bản sắc văn hoá riêng biệt của mỗi địa phương. Ninh Bình là vùng đất có bề dày lịch sử – văn hoá lâu đời, nơi lưu giữ nhiều di tích gắn với các triều đại phong kiến, các danh nhân lịch sử và những giá trị văn hoá đặc sắc của dân tộc. Những di tích ấy không chỉ phản ánh quá trình hình thành và phát triển của quê hương mà còn là minh chứng sinh động cho truyền thống yêu nước, tinh thần đoàn kết và bản sắc văn hoá của cộng đồng cư dân nơi đây.



Hình 1.1



Hình 1.2



Hình 1.3

1. Em nhận diện được những di tích nào trong các hình ảnh trên?
2. Theo em, vì sao cần bảo tồn và phát huy giá trị di tích lịch sử văn hoá ở địa phương?

## B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

### 1. Tìm hiểu về di tích lịch sử – văn hoá tỉnh Ninh Bình

#### 1.1. Khái quát chung về di tích lịch sử – văn hoá

##### a) Khái niệm

Di tích lịch sử – văn hoá là công trình kiến trúc, nghệ thuật, cụm công trình xây dựng, địa điểm, di chỉ khảo cổ hoặc cấu trúc có tính chất khảo cổ học; di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia thuộc công trình, cụm công trình, địa điểm, di chỉ hoặc cấu trúc đó, có giá trị lịch sử, văn hoá, khoa học (*Luật Di sản văn hoá 2024*). Di tích lịch sử – văn hoá là một bộ phận của di sản văn hoá, thuộc loại hình di sản văn hoá vật thể.



Hình 1.4. Sơ đồ phân loại di sản văn hoá



Hình 1.5. Cột kinh Phật chùa Nhất Trụ (phường Tây Hoa Lư)

*Di tích* là dấu vết của quá khứ còn lưu lại trong lòng đất hoặc trên mặt đất có ý nghĩa về mặt văn hoá và lịch sử<sup>1</sup>.

*Di vật* là hiện vật được lưu truyền lại, có giá trị lịch sử, văn hoá, khoa học<sup>2</sup>.

*Cổ vật* là di vật có giá trị tiêu biểu về lịch sử, văn hoá, khoa học, có từ 100 năm tuổi trở lên<sup>3</sup>.

*Bảo vật quốc gia* là cổ vật, di vật có giá trị đặc biệt quý hiếm, tiêu biểu của đất nước về lịch sử, văn hoá, khoa học<sup>3</sup>.

<sup>1</sup> Viện Ngôn ngữ học, *Từ điển Tiếng Việt 2006*, NXB Đà Nẵng.

<sup>2,3</sup> Khoản 6, 7, Điều 3, *Luật Di sản văn hoá*, số 45/2024/QH15, ngày 23/11/2024.

<sup>3</sup> Khoản 8, Điều 3, *Luật Di sản văn hoá*, số 45/2024/QH15, ngày 23/11/2024.

Trên cơ sở phân biệt các khái niệm "di tích", "di vật", "cổ vật", "bảo vật quốc gia", hãy lấy ví dụ minh hoạ cụ thể ở tỉnh Ninh Bình cho từng loại.

## b) Phân loại và xếp hạng di tích lịch sử – văn hoá

Theo Điều 21, Luật Di sản văn hoá 2024, di tích lịch sử – văn hoá được phân chia thành ba loại hình cơ bản: Di tích lịch sử (di tích lưu niệm sự kiện, lịch sử, văn hoá, di tích lưu niệm danh nhân); Di tích khảo cổ; Di tích kiến trúc nghệ thuật.

Về xếp hạng, theo Điều 24, Luật Di sản văn hoá 2024, di tích được chia thành: Di tích cấp tỉnh (di tích có giá trị tiêu biểu của địa phương); Di tích quốc gia (di tích có giá trị tiêu biểu của quốc gia); Di tích quốc gia đặc biệt (di tích có giá trị đặc biệt tiêu biểu của quốc gia).



Hình 1.6. Sơ đồ phân loại và xếp hạng di tích lịch sử – văn hoá (Theo Luật Di sản văn hoá 2024)

## c) Giá trị của di tích lịch sử – văn hoá

Di tích lịch sử – văn hoá là những dấu vết vật chất được các thế hệ đi trước để lại, không thể tái tạo hoặc khôi phục khi đã bị mai một. Do vậy, di tích lịch sử – văn hoá là bằng chứng, là nguồn sử liệu chân thực, giúp những người đang sống có thể hiểu biết về quá khứ đã qua.

Di tích lịch sử – văn hoá còn là sự kết tinh tài năng và trí tuệ của con người, là những biểu hiện cụ thể về bản sắc văn hoá của mỗi cộng đồng, dân tộc. Bên cạnh đó, di tích lịch sử – văn hoá là phương tiện giao lưu văn hoá giúp nâng cao sự hiểu biết lẫn nhau giữa các cộng đồng, dân tộc.

### Em có biết?

Những giá trị nổi bật của di tích lịch sử – văn hoá đã đóng góp to lớn vào việc phát triển kinh tế nói chung của tỉnh Ninh Bình. Năm 2021, Tỉnh uỷ Ninh Bình đã ban hành Nghị quyết số 07-NQ/TU về phát triển du lịch Ninh Bình giai đoạn 2021 – 2030, định hướng đến năm 2045. Trong đó nêu rõ quan điểm phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn là định hướng chiến lược quan trọng của tỉnh.

(Nguồn: Tổng cục Du lịch (nay là Cục Du lịch), Sở Du lịch tỉnh Ninh Bình, Niên giám thống kê tỉnh Ninh Bình năm 2020)

Em hãy lấy một ví dụ về di tích lịch sử – văn hoá của tỉnh Ninh Bình, cho biết di tích đó thuộc loại hình nào và trình bày những giá trị nổi bật của di tích.

## 1.2. Khái quát di tích lịch sử – văn hoá tỉnh Ninh Bình

Tỉnh Ninh Bình nằm ở vùng Đồng bằng sông Hồng, vùng đất này có vị trí giao thoa giữa núi, đồng bằng và biển, với hệ thống sông ngòi dày đặc như sông Hồng, sông Đáy, sông Hoàng Long,... Điều kiện tự nhiên đa dạng, giàu tài nguyên đã tạo nền tảng cho cư dân sinh sống từ rất sớm và hình thành nhiều di tích lịch sử – văn hoá nổi tiếng.

Địa hình nổi bật ở phía tây là vùng núi đá vôi hùng vĩ. Bên cạnh đó, vùng đồng bằng được phù sa bồi đắp màu mỡ, thuận lợi cho nông nghiệp và phát triển làng nghề, tín ngưỡng. Đây là nơi giao thoa, tiếp nối của văn minh sông Hồng, văn minh sông Mã; là sự hoà quyện của ba dòng chảy văn hoá: văn hoá Hoa Lư, văn hoá Thiên Trường và văn hoá vùng chiêm trũng núi Đọi sông Châu.

Với điều kiện thuận lợi đó, vùng đất Ninh Bình sở hữu nhiều di tích và danh lam thắng cảnh gắn liền với lịch sử, văn hoá lâu đời, thể hiện ở các “trục di sản” huyết mạch:

- Trục di sản vương triều: Cố đô Hoa Lư – Hành cung Thiên Trường.
- Trục di sản tâm linh: Phủ Dầy – Quần thể Tam Chúc – Chùa Đọi Sơn – Chùa Bái Đính – Nhà thờ đá Phát Diệm.
- Trục di sản kháng chiến và kho tàng: Đền Trần Thương – Cột cờ Nam Định – Hệ thống phòng tuyến Tam Điệp.

Tính đến tháng 12/2025, tỉnh Ninh Bình có 5 074 di tích với 1 106 di tích được xếp hạng, trong đó có 10 di tích quốc gia đặc biệt, 264 di tích quốc gia, 832 di tích cấp tỉnh, 01 di sản được Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hoá Liên hợp quốc (UNESCO) công nhận là Di sản văn hoá và thiên nhiên thế giới, 01 di sản được UNESCO công nhận là Di sản văn hoá phi vật thể<sup>1</sup>.

**Bảng 1.1. Danh sách di tích quốc gia đặc biệt của tỉnh Ninh Bình**

STT	Tên di tích	Địa điểm	Năm xếp hạng	Loại hình
1	Khu di tích lịch sử và kiến trúc nghệ thuật Cố đô Hoa Lư, gồm: Khu vực núi đá Trường Yên và đền vua Đinh, vua Lê	Phường Tây Hoa Lư	2012	Lịch sử
2	Quần thể danh thắng Tràng An – Tam Cốc – Bích Động	Phường Hoa Lư	2012	Danh lam thắng cảnh

<sup>1</sup> Nguồn: Số liệu tổng hợp từ Sở Văn hoá, Thể thao tỉnh Ninh Bình, tháng 12/2025.

STT	Tên di tích	Địa điểm	Năm xếp hạng	Loại hình
3	Đền Trần và chùa Phổ Minh	Phường Nam Định	2012	Lịch sử và kiến trúc – nghệ thuật
4	Đền Trần Thương	Xã Trần Thương	2015	Lịch sử và kiến trúc – nghệ thuật
5	Di tích kiến trúc nghệ thuật chùa Keo Hành Thiện, gồm chùa Keo trong và chùa Keo ngoài	Xã Xuân Hồng	2016	Kiến trúc – nghệ thuật
6	Chùa Đọi Sơn	Phường Tiên Sơn	2017	Lịch sử và kiến trúc – nghệ thuật
7	Núi Non Nước	Phường Hoa Lư	2020	Lịch sử và danh lam thắng cảnh
8	Đền Xám	Phường Hồng Quang	2025	Kiến trúc – nghệ thuật
9	Chùa Cổ Lễ	Xã Cổ Lễ	2025	Lịch sử và kiến trúc – nghệ thuật
10	Danh lam thắng cảnh và khảo cổ Quần thể Tam Chúc	Phường Tam Chúc	2025	Danh lam thắng cảnh và khảo cổ

(Nguồn: Số liệu tổng hợp từ Sở Văn hoá, Thể thao tỉnh Ninh Bình, tháng 12/2025)

1. Trình bày cơ sở hình thành những di tích, danh thắng của tỉnh Ninh Bình.
2. Nhận xét về số lượng, địa bàn phân bố các di tích, thắng cảnh của tỉnh Ninh Bình.

## 2. Các di tích lịch sử – văn hoá tiêu biểu

### 2.1. Các di tích lịch sử – văn hoá tiêu biểu

#### a) Quần thể di tích Phủ Dầy

Quần thể di tích Phủ Dầy tọa lạc trên một vùng đồng bằng trù phú vốn có tên cổ là Kẻ Dầy (hay gò Bánh Dầy) thuộc xã Vụ Bản, tỉnh Nam Định.



Hình 1.7. Phũ Vân Cát thuộc quần thể di tích Phũ Dầy (xã Vụ Bản)

**Em có biết?**

Phũ Dầy còn có các tên gọi khác là phũ Giày, phũ Giày với nhiều cách giải thích khác nhau. “Phũ” chỉ dinh cơ của các vương công, quý tộc; còn “Dầy” do ở đây vốn là ngôi làng cổ có tên Kê Dầy. Cũng có thể là do trước cửa phũ có gò đất nổi lên hình bánh dầy. Có truyền thuyết giải thích rằng, Bà Chúa Liễu Hạnh trước khi về thượng giới đã để lại một chiếc giày ở trần gian. Nhà vua đi ngang qua vùng này được tặng một đôi giày nên đã lập nơi thờ tự gọi là phũ Giày.

Phũ Dầy là quần thể di tích tín ngưỡng dân gian thuần Việt, được mệnh danh là “kinh đô” của Tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ – một loại hình tín ngưỡng bản địa có sức sống mãnh liệt, đề cao hình tượng người Mẹ với khát vọng hướng thiện và sự bình an cho nhân thế. Giá trị của quần thể di tích không chỉ nằm ở hệ thống kiến trúc nghệ thuật đặc sắc, được Nhà nước xếp hạng là di tích cấp Quốc gia từ năm 1975 mà còn là di sản văn hoá phi vật thể đại diện của nhân loại (Thực hành Tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ của người Việt được UNESCO công nhận là Di sản văn hoá phi vật thể đại diện của nhân loại vào năm 2016). Di tích gắn liền với sự tích về lần giáng sinh thứ hai của Thánh Mẫu Liễu Hạnh, một trong “Tứ bất tử” của tín ngưỡng dân gian Việt Nam.



Hình 1.8. Phũ Tiên Hương thuộc quần thể di tích Phũ Dầy (xã Vụ Bản)



Hình 1.9. Nghi lễ hầu đồng tại Phũ Dầy (xã Vụ Bản)

Hệ thống kiến trúc tại quần thể di tích Phủ Dầy mang đậm tính tôn giáo, là những kiệt tác nghệ thuật được xây dựng, tu sửa công phu qua các triều đại Lê Trung hưng và Nguyễn, trong đó nổi bật là ba di tích:

– Phủ Tiên Hương được xây dựng bề thế với 19 toà và 81 gian lớn nhỏ, đã qua nhiều lần trùng tu. Phủ được xây theo kiểu “nội trùng thiềm, ngoại chữ quốc” mang đậm dấu ấn nghệ thuật thời Nguyễn, mặt quay về hướng Tây Nam nhìn ra dãy núi Tiên Hương. Điểm nhấn kiến trúc là toà phương du (lầu vọng nguyệt) và hồ bán nguyệt với hai cây cầu đá chạm rồng tinh xảo.

– Phủ Vân Cát tương truyền được xây dựng trên nền nhà cũ của Thánh Mẫu, nơi bà giáng sinh lần thứ hai, gồm 7 toà với 30 gian lớn nhỏ. Kiến trúc nơi đây nổi bật với cửa Ngọ môn 5 gác lầu uy nghi và nhà thủy lâu giữa hồ bán nguyệt. Phủ Vân Cát thể hiện sự hoà hợp tín ngưỡng, trung tâm là nơi thờ chúa Liễu, bên trái là chùa thờ Phật, bên phải là đền thờ Lý Nam Đế.

– Lăng Mẫu (lăng Liễu Hạnh) là nơi an nghỉ của Mẫu Liễu Hạnh, hoàn thành vào năm 1938, là một công trình kiến trúc lăng mộ bằng đá độc nhất vô nhị của nghệ thuật kiến trúc thời Nguyễn. Toàn bộ lăng được xây bằng đá xanh chạm trổ cầu kì. Giữa lăng là ngôi mộ bát giác, bao quanh là 60 búp sen đá hồng, gợi hình ảnh một đầm sen thanh tịnh giữa đời thường.

Lễ hội Phủ Dầy diễn ra từ ngày mùng 1 đến mùng 10 tháng Ba âm lịch hằng năm, trong đó ngày mùng 3 (ngày giỗ Mẫu) là quan trọng nhất với nhiều hoạt động đặc sắc: lễ rước đuốc, hội hoa trượng (kéo chữ),... và đặc biệt là nghi lễ hầu đồng – hình thức diễn xướng tâm linh kết hợp âm nhạc, vũ đạo và trang phục truyền thống độc đáo.

1. Nguồn gốc tên gọi “Phủ Dầy” có những cách giải thích nào?
2. Tóm tắt những thông tin chính về các di tích tiêu biểu trong quần thể di tích Phủ Dầy về các nội dung: tên gọi, thời gian xây dựng, nét đặc sắc về kiến trúc.
3. Tại sao nói quần thể di tích Phủ Dầy là không gian tín ngưỡng dân gian thuần Việt?

## **b) Di tích lịch sử và kiến trúc nghệ thuật Cố đô Hoa Lư**

Năm 2012, Khu di tích lịch sử và kiến trúc nghệ thuật Cố đô Hoa Lư (phường Tây Hoa Lư) được xếp hạng là Di tích quốc gia đặc biệt. Trong lịch sử, khu vực này từng là kinh đô của ba vương triều (Đinh, Tiền Lê và đầu triều Lý), với sáu vị vua: Đinh Tiên Hoàng, Đinh Phế Đế, Lê Đại Hành, Lê Trung Tông, Lê Long Đĩnh và Lý Thái Tổ.

Những dấu tích lịch sử – văn hoá hiện còn tại khu vực di tích rất phong phú và đa dạng, bao gồm hệ thống kiến trúc thờ tự, tường thành, hoàng thành, hang động và một số công trình khác. Khu vực trung tâm của di tích chính là đền thờ vua Đinh Tiên Hoàng và đền thờ vua Lê Đại Hành. Các đền này được xây dựng trên nền

cung điện xưa, ngay sau khi vua Lý Thái Tổ dời đô ra Đại La (Thăng Long), đều quay về hướng bắc. Từ thế kỉ XVII, hai đền thờ được xây dựng và trùng tu lại, quay về hướng đông như hiện nay.



Hình 1.10. Sơ đồ khu di tích lịch sử và kiến trúc nghệ thuật Cổ đô Hoa Lư (phường Tây Hoa Lư)

Trước đền thờ vua Đinh Tiên Hoàng có núi Mã Yên làm bình phong, phía sau đền có dãy núi Phi Vân làm chỗ dựa. Kiến trúc chính của đền gồm: Ngọ môn quan (cổng ngoài), Nghi môn ngoại (cửa ngoài), Nghi môn nội (cửa trong), Sân rồng, Nhà Khải Thánh thờ thân phụ và thân mẫu vua Đinh, Bái đường, Thiêu hương thờ các quan và các vị công thần của nhà Đinh, Chính cung, Nhà bia, sân vườn,...



Hình 1.11. Đền thờ vua Đinh Tiên Hoàng (phường Tây Hoa Lư)

Đền thờ vua Lê Đại Hành gồm các hạng mục chính: Bái đường, Thiêu hương và Chính cung. Kiến trúc Bái đường gồm 5 gian, mang phong cách kiến trúc thời Hậu Lê. Tại đây có đôi câu đối ca ngợi sự

nghiệp “kháng Tống, bình Chiêm” của nhà vua:

Phiên âm:

*Thần vũ thiếp tứ lân, thịnh  
Tống cường Chiêm thử nhật;*

*Tinh linh tồn thiên cổ, Long  
giang Mã trực chi gian.*

Dịch nghĩa:

*Thần vũ động bốn bên, trong  
lúc Chiêm cường Tống thịnh;*

*Thiên linh còn muôn thuở,  
trong vùng núi Mã, sông Long.*

Toà giữa là Thiêu hương thờ các công thần của nhà Lê. Trong cùng là Chính cung có đặt tượng vua Lê Đại Hành, gian bên trái đặt tượng Thái hậu Dương Vân Nga (Dương thị), gian bên phải đặt tượng vua Lê Long Đĩnh. Trong khu vực này còn có một số hạng mục kiến trúc khác như: sập đá, nghi môn ngoại, từ vũ, nghi môn nội, sân rồng, nhà vọng, hai nhà bia.

Trong khu di tích Cố đô Hoa Lư còn những di tích nổi tiếng khác như: chùa và động Am Tiên – tương truyền là ngục đá nhốt hồ dữ để trị kẻ có tội từ thời nhà Đinh, chùa Nhất Trụ – nơi lưu giữ cột kinh cổ nhất Việt Nam, lăng vua Đinh và lăng vua Lê,...

Hiện nay, trong khu vực Cố đô Hoa Lư còn lưu giữ được 678 di vật, cổ vật có giá trị lịch sử, văn hoá và khoa học; trong đó có 4 bảo vật quốc gia là: Cột kinh Phật chùa Nhất Trụ, Long sàng trước Nghi môn ngoại và trước Bái đường đền thờ vua Đinh Tiên Hoàng, Bộ Phủ Việt đền thờ vua Đinh Tiên Hoàng, Bộ Phủ Việt đền thờ vua Lê Đại Hành. Hằng năm, cứ vào tháng Ba âm lịch, nhân dân lại mở lễ hội để tưởng nhớ vua Đinh Tiên Hoàng và các bậc đế vương. Lễ hội Trường Yên (nay là lễ hội Hoa Lư) là lễ hội có quy mô lớn nhất ở tỉnh Ninh Bình. Ngoài phần

#### *Em có biết?*

Ở giữa Bái đường của đền thờ vua Đinh Tiên Hoàng có bức đại tự đề ba chữ sơn son thếp vàng: “Chính thống thủy” (nghĩa là mở đầu nền chính thống) ca ngợi công lao của Đinh Tiên Hoàng để trong việc thống nhất đất nước, đặt nền móng cho nhà nước phong kiến trung ương tập quyền đầu tiên ở Việt Nam. Hai cột giữa có đôi câu đối thể hiện niềm tự hào về nhà nước Đại Cồ Việt và Kinh đô Hoa Lư:

“Cồ Việt quốc đương Tống Khai Bảo Hoa Lư  
đô thị Hán Tràng An”.

Nghĩa là:

*“Nước Cồ Việt ngang với nhà Tống niên hiệu  
Khai Bảo Kinh đô Hoa Lư như kinh đô Tràng  
An thời nhà Hán”*



**Hình 1.12. Đền thờ vua Lê Đại Hành  
(phường Tây Hoa Lư)**

tế lễ, ở đây có các hoạt động văn hoá đặc trưng, đặc biệt là lễ rước nước, tế cửu khúc, diễn tích cờ lau tập trận và kéo chữ Thái Bình.

1. Giải thích tại sao vua Đinh Tiên Hoàng chọn vùng đất Tây Hoa Lư làm nơi định đô?
2. Trình bày cấu trúc của Khu di tích quốc gia đặc biệt Cố đô Hoa Lư. Di tích này có giá trị lịch sử như thế nào?

### c) Khu di tích Đền Trần

Khu di tích Đền Trần tọa lạc tại phường Nam Định, tỉnh Ninh Bình. Đây chính là vùng đất Tức Mặc cổ xưa, nơi phát tích của vương triều Trần – một trong những triều đại huy hoàng nhất trong lịch sử phong kiến Việt Nam.

Khu di tích đã được Nhà nước xếp hạng là Di tích lịch sử và kiến trúc – nghệ thuật quốc gia đặc biệt vào năm 2012. Đền Trần không chỉ là nơi thờ phụng 14 vị vua Trần và công thần mà còn là biểu tượng của tinh thần tự lập, tự cường, sức mạnh đoàn kết dân tộc qua “Hào khí Đông A” lừng lẫy. Khu di tích Đền Trần được xây dựng trên nền Thái miếu và cung Trùng Quang, Trùng Hoa của Hành cung Thiên Trường xưa.

#### *Tư liệu:*

“Đất Tức Mặc vốn là quê hương của các vua Trần, có miếu thờ tự ở đó, vào khoảng niên hiệu Thiên Ứng (1232 – 1250), Phùng Vương (Phùng Tá Chu) đốc suất công việc xây dựng trên nền nhà thờ cũ. Phía đông miếu có ngôi nhà cũ là nơi Hưng Đạo thân vương sống lúc sinh thời”.

*(Bia Nam Mặc miếu trạch bi kí dựng năm Duy Tân thứ 2 (1908) tại cổng đền)*

#### *Em có biết?*

Hương Tức Mặc là quê hương của các vua Trần. Sau khi giành được ngôi báu, vào năm 1262, vua Trần Thánh Tông đã thăng hương Tức Mặc lên thành phủ Thiên Trường, cho xây dựng các cung điện Trùng Quang (nơi ở của Thái thượng hoàng) và cung Trùng Hoa (nơi ngự của vua đương triều khi về chầu). Sau khi vương triều Trần suy vong và bị giặc Minh tàn phá, nhân dân đã xây dựng đền miếu trên nền cũ của các cung điện để tri ân công đức tổ tiên.

*Đọc đoạn tư liệu trên và cho biết:*

- 1. Thời gian và người có công xây dựng khu thờ tự các vua Trần và Hưng Đạo Đại vương Trần Quốc Tuấn.*
- 2. Giới thiệu di tích thờ phụng Trần Hưng Đạo ở địa phương nơi em sinh sống (nếu có).*

Khu di tích Đền Trần bao gồm ba công trình kiến trúc chính: đền Thiên Trường, đền Cố Trạch và đền Trùng Hoa, bố trí song song trên một trục đạo, ngăn cách bởi các khoảng sân rộng. Cả ba ngôi đền đều có kiến trúc và quy mô tương tự nhau, được xây dựng theo kiến trúc truyền thống, mang đậm dấu ấn nghệ thuật thời Hậu Lê và thời Nguyễn. Mỗi đền gồm toà tiền đường 5 gian, toà trung đường 5 gian và toà chính tẩm 3 gian. Nối tiền đường và trung đường là thiêu hương và 2 gian tả, hữu vu. Toàn bộ di tích tọa lạc trên một địa thế cao ráo, rộng khoảng 8 ha, biệt lập với khu dân cư. Thế đất ở đây có dạng ngoạ long (rồng nằm). Theo thuyết phong thủy xưa thì đó là kiểu đất đẹp, thế phát vương.

– Đền Thiên Trường (Đền Thượng) được xây dựng trên nền cung Trùng Quang cổ, là nơi thờ bài vị của 14 vị vua Trần. Trước Bái đường có bức đại tự “Chính thống thủy” khẳng định vương triều Trần là khởi đầu của nền chính thống độc lập, Thiên Trường là đất phát tích của triều Trần.

– Đền Cố Trạch (Đền Hạ) tọa lạc phía Đông đền Thiên Trường. “Cố Trạch” có nghĩa là “nền nhà cũ”, nơi đây tương truyền là nơi ở của Hưng Đạo Đại vương Trần Quốc Tuấn lúc sinh thời. Đền thờ Đức Thánh Trần và gia quyến, gắn liền với những truyền thuyết về sự linh ứng giúp dân dẹp giặc, trừ tà.

– Đền Trùng Hoa được xây dựng trên nền cung Trùng Hoa xưa – nơi các đương kim hoàng đế nhà Trần về thăm vấn các vị Thái thượng hoàng, được khánh thành năm 2000. Đây là nơi thờ 14 pho tượng các vua Trần đúc bằng đồng theo nguyên mẫu lịch sử.



Hình 1.13. Cổng chính đền Trần  
(phường Nam Định)



Hình 1.14. Lễ hội Khai ấn đền Trần  
(phường Nam Định)

Một trong những nét văn hoá độc đáo nhất gắn liền với di tích là Lễ Khai ấn đền Trần, được tổ chức trang trọng vào đêm 14, rạng sáng ngày 15 tháng Giêng âm lịch hằng năm, thu hút đông đảo nhân dân và du khách thập phương về tham dự. Nghi thức này có nguồn gốc từ việc các vua Trần thực hiện khai ấn để bắt đầu một năm làm việc mới của bộ máy hành chính sau kì nghỉ Tết. Ngày nay, lá ấn đền Trần được nhân dân trân trọng đón nhận như một biểu tượng của sự may mắn, bình an và thắng tiến.

Lễ hội tháng Tám âm lịch hằng năm được cử hành trọng thể trong ba ngày 19, 20, 21 tại đền Trần để kỉ niệm ngày mất của Hưng Đạo Đại vương Trần Quốc Tuấn. Do vậy, trong dân gian vẫn còn truyền tụng câu phương ngôn “tháng Tám giỗ Cha”. Nghi thức tế lễ tại đền kỉ niệm ngày mất của ngài đã thu hút được đông đảo nhân dân từ nhiều nơi về dự, dâng nén tâm nhang tìm về chôn tổ dòng họ Trần, tri ân công đức của Đức thánh Trần.

*Khu di tích Đền Trần có giá trị lịch sử, văn hoá gì?*

#### **d) Đền Trần Thương**

Đền Trần Thương thuộc xã Trần Thương, tỉnh Ninh Bình. Ngôi đền thờ vị anh hùng dân tộc Quốc công Tiết chế Hưng Đạo Đại Vương Trần Quốc Tuấn cùng gia đình ông và các tướng lĩnh có công trong cuộc kháng chiến chống quân Mông – Nguyên (thế kỉ XIII). Vào thời Hậu Lê, khoảng thế kỉ XV – XVI, nhân dân địa phương đã xây dựng một ngôi đền trên nền kho lương cũ. Theo truyền thuyết dân gian và các dấu tích khảo cổ, nơi đây từng là kho lương thực quan trọng của nhà Trần trong cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Nguyên lần thứ hai (1285). Với vị trí giao thông thuận lợi, từ sông Châu có thể thông ra sông Hồng, ngược về Thăng Long hoặc xuôi ra biên, Quốc công Tiết chế Trần Hưng Đạo đã chọn vùng đất này để đặt kho lương, phục vụ cho đại quân kháng chiến. Trong thời kì cách

mạng (thế kỉ XX), Trần Thương là điểm đầu tiên tổ chức mít tinh thành lập chính quyền mới.

Ngôi đền được xây dựng trên thế đất “hình nhân bái tượng” (tức là hình người), địa thế linh thiêng, hài hoà với thiên nhiên. Bố cục tổng thể gồm tam quan ngoại, sân đền, hệ thống cột đồng trụ, bình phong và khu nội tự. Tam quan được xây dựng bề thế, cửa chính hai tầng, tầng dưới cuốn vòm, tầng trên là gác chuông tám mái, trong treo chuông lớn. Hai cửa phụ trang trí hình ngựa, hoa sen; tường ngoài đắp voi châu, nghê châu, hoa văn truyền thống mang ý nghĩa cát tường.



Hình 1.15. Nghi môn đền  
(xã Trần Thương)



Hình 1.16. Mặt trước đền Trần Thương  
(xã Trần Thương)

Khu nội tự được thiết kế theo kiểu chữ “Quốc”, gồm tiền đường năm gian, hai dãy nhà khách chạy dọc, toà đệ nhị năm gian và hậu cung ba gian. Kiến trúc tiền đường mang phong cách chông rường, mái lợp ngói nam, treo các đại tự như “Phong vân trường hộ”, “Văn đức võ công”. Hậu cung là nơi linh thiêng nhất, thờ tượng Hưng Đạo Đại vương, được bài trí trang nghiêm, sơn son thếp vàng.

Đền Trần Thương hiện còn lưu giữ nhiều hiện vật thờ tự có giá trị như ngai thờ, khám thờ, tượng Trần Hưng Đạo, hương án đá, rùa đá, nghê đá và đặc biệt là kiếm bạc cổ, chỉ được đưa ra trong những dịp lễ trọng. Những mảnh gốm sứ mang phong cách nghệ thuật thời Trần được tìm thấy quanh khu vực đền càng góp phần khẳng định vai trò lịch sử của nơi đây.

Lễ hội đền Trần Thương được tổ chức hằng năm nhằm tưởng niệm Hưng Đạo Đại vương Trần Quốc Tuấn

– vị anh hùng dân tộc có công lớn trong cuộc kháng chiến chống quân Mông –

#### *Em có biết?*

Trong khám thờ đặt pho tượng Quốc công Tiết chế Hưng Đạo Đại Vương Trần Quốc Tuấn. Tượng cao 1m20 tạc trong tư thế ngồi, đầu đội mũ bình thiên trang trí lưỡng long châu nguyệt cùng với nhiều họa tiết sinh động. Gương mặt hiền từ, mắt nhìn thẳng, một tay cầm thẻ bài, một tay đặt trên gối. Trang trí trên y phục được thể hiện bằng những làn mây tản, sóng nước, mặt hổ phù, càng làm tăng thêm vẻ oai phong, đường bệ.

Nguyên. Lễ hội chính diễn ra vào ngày 20 tháng Tám âm lịch, được Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch công nhận là Di sản Văn hoá phi vật thể quốc gia vào năm 2017. Nét đặc sắc của lễ hội là tục phát lương Đức Thánh Trần vào dịp đầu xuân, gắn với truyền thống kho lương nhà Trần. Năm 2015, Thủ tướng Chính phủ đã kí Quyết định xếp hạng đền Trần Thương là Di tích quốc gia đặc biệt.

*Di tích đền Trần Thương mang những giá trị lịch sử, văn hoá, khoa học và thẩm mỹ đặc biệt gì?*

### e) Cột cờ Nam Định

Cột cờ Nam Định (còn gọi là Kì đài) tọa lạc ở phường Nam Định, tỉnh Ninh Bình, nằm ở phía trước chùa Vọng Cung (xưa là điện Kính Thiên).

Được xếp hạng Di tích lịch sử cấp quốc gia vào năm 1962, cột cờ Nam Định là một trong bốn kì đài lớn nhất cả nước được xây dựng dưới triều Nguyễn (cùng với Hà Nội, Huế và Bắc Ninh). Các cột cờ được xây dựng với chức năng chính là làm vọng canh (đài quan sát) và được coi là một phần trong hệ thống góc toà thành cổ thời Nguyễn. Di tích này là biểu tượng của tinh thần kháng chiến kiên cường của quân dân Thành Nam trong cuộc đối đầu với thực dân Pháp (thế kỉ XIX) và chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ (thế kỉ XX).

Cột cờ có tổng chiều cao 23,84 m, được xây bằng gạch Bát Tràng màu đỏ sẫm, chia làm ba phần chính:

– Phần bệ gồm 2 tầng dưới cùng, hình vuông, xây bằng gạch, có lan can bao quanh và các cửa vòm. Đây là nơi đặt bàn thờ anh hùng liệt nữ Nguyễn Thị Trinh (công chúa Giám thương) – người đã anh dũng hi sinh khi bảo vệ kho lương của thành vào năm 1873.

– Thân cột (tầng 3) xây hình bát giác, thu nhỏ dần lên trên. Bên trong có 54 bậc thang xoáy tròn ốc dẫn lên đỉnh vọng lâu và 36 ô cửa nhỏ thông gió.

– Vọng lâu có dạng hình trụ tròn trên đỉnh cột với bốn cửa vòm quay về bốn hướng chính, là nơi để quan sát và treo cờ. Từ đây có thể quan sát toàn bộ khu vực thành cổ và vùng lân cận từ trên cao.

Xưa kia, cột cờ đóng vai trò quan trọng trong việc quan sát thành trì và thông tin quân sự. Ngày nay, hình ảnh lá cờ đỏ sao vàng tung bay trên đỉnh Kì đài không chỉ khẳng định chủ quyền mà còn là niềm tự hào của mỗi người dân Ninh Bình về truyền thống văn hiến và cách mạng của vùng đất Thành Nam.

#### *Em có biết?*

Cột cờ Nam Định được khởi dựng năm 1812 (thời vua Gia Long), có tài liệu ghi là năm 1806 (thời vua Gia Long) và năm 1833 (thời vua Minh Mạng), hoàn thành năm 1843 (thời vua Thiệu Trị). Trải qua nhiều biến cố, đặc biệt là trận ném bom huỷ diệt của không quân Mỹ năm 1972 khiến cột cờ bị sụp đổ hoàn toàn. Đến năm 1997, công trình đã phục dựng lại nguyên trạng di tích trên nền cũ nhân kỉ niệm 43 năm ngày giải phóng thành phố Nam Định.



Hình 1.17. Toàn cảnh Cột cờ Nam Định (phường Nam Định)

*Cột cờ Nam Định từ khi ra đời đến nay đã gắn với những mốc thời gian lịch sử nào của vùng đất Nam Định?*

### **g) Chùa Đọi Sơn**

Chùa Đọi Sơn (Long Đọi Sơn, tên chữ Diên Linh tự) hiện tọa lạc trên đỉnh núi Đọi, phường Tiên Sơn, tỉnh Ninh Bình, được xếp hạng là Di tích quốc gia đặc biệt năm 2017. Ngôi chùa là di tích Phật giáo tiêu biểu, có lịch sử lâu đời, gắn với sự phát triển của Phật giáo thời Lý. Chùa do vua Lý Thánh Tông và Vương phi Ý Lan chủ trì xây dựng từ năm 1054 (do tể tướng Dương Gia Đạo và thiền sư Đàm Cứu Chi đến trụ trì và tham gia xây dựng). Vua Lý Nhân Tông tiếp tục xây dựng phát triển và xây tháp Sùng Thiện Diên Linh từ năm 1118 đến năm 1121, “xác định phương hướng, mặt trông ra sông Kinh, lưng quay về núi Đập”.

Chùa đứng vững hơn ba trăm năm. Đầu thế kỉ XV, khi giặc Minh xâm lược nước ta, chùa và tháp đã bị phá hủy hoàn toàn. Riêng bia Sùng Thiện Diên Linh thì không phá nổi. Cuối thế kỉ XVI, vào năm 1591, đời Mạc Mậu Hợp, nhân dân địa phương “dựng lại bia đồ, bắc lại xà nhà và những chỗ tường hư hỏng, làm cửa xây tường khiến cho sau hơn 500 năm, một nơi thắng cảnh trong chốn rừng lâm lại được mới mẻ”.

Từ thế kỉ XVI đến đầu thế kỉ XX, chùa nhiều lần được tu sửa. Trong kháng chiến chống Pháp, chùa bị phá dỡ một phần phục vụ tiêu thổ kháng chiến; giai đoạn 1957 – 1958, chùa được nhân dân địa phương dựng lại.

Quy mô, kiến trúc của chùa qua từng giai đoạn lịch sử:

– Thời Lý, chùa gồm nhiều công trình lớn, tập trung gỗ ở rừng về, thuê thợ mộc giỏi, dùng đá quý để làm đầu và dựng hiên. Đằng trước chùa là một cây tháp xây mười ba tầng chọc trời. Bên tả chùa dựng cung tứ giác, bên hữu là khám nhọn vuông, đằng trước là sân rộng có bậc thềm để lên nhà Bái đường, hai bên là hai dãy hành lang, xung quanh xây tường bảo vệ, dựng hiên để phổ trưng nổi các công trình. Phía ngoài bắc cầu mở rộng đường thôn, trồng bách thành hai dãy trước cửa dẫn lên chùa. Tuy nhiên, toàn bộ kiến trúc này đã bị giặc Minh sang xâm lược nước ta tàn phá.

– Trước Cách mạng tháng Tám năm 1945, chùa có trên một trăm gian, được xây theo kiểu nội công ngoại quốc. Khu di tích này bao gồm một chùa chính với nhà tiền đường, thiên hương và thượng điện. Hai bên có dãy hành lang với 18 gian thờ thập bát La Hán. Từ cổng tả môn, hữu môn lên sân toà Bái đường có hai dãy tả vu, hữu vu, bên trong đặt sáu pho tượng Kim Cương thời Lý, trên tường đắp nổi trang trí phù điêu sự tích về nhà Phật và thập điện. Phía sau là nhà tổ, nhà khách và nơi ở của các nhà sư trụ trì. Trước chùa có nhiều bia lớn to và đẹp, trong đó giá trị nhất là bia Sùng Thiện Diên Linh. Phía Tây là khu lăng mộ của các vị sư tổ có công trụ trì, xây dựng chùa.

– Chùa được xây dựng trên đỉnh núi cao, hiện nay chùa có 17 đơn nguyên kiến trúc lớn nhỏ trong khuôn viên với diện tích khoảng 2 ha. Từ chân núi, qua 373 bậc thang bằng đá sẻ, đá phiến, có bóng cây che mát lối lên chùa. Qua cổng chính là nhà che bia, sân chùa, hai bên sân chùa có hai dãy thập điện. Đi hết sân là bậc tam cấp dẫn lên tam bảo cùng hành lang và thập bát La Hán. Phía sau điện tam bảo là nhà hậu điện thờ Mẫu, vua Lý Thánh Tông, vua Lý Nhân Tông, Nguyên Phi Ỗ Lan; kế đó là nhà Tổ, thờ các vị sư đã trụ trì tại chùa. Phía tây và tây nam của chùa là vườn tháp mộ sư, với 37 tháp mộ có nhiều kích thước khác nhau, được xây dựng trong suốt thời gian dài. Ngoài các kiến trúc chính, còn có kiến trúc phụ bao gồm: phòng khách, nhà tắm, bếp, phòng ăn,... Bên cạnh chùa còn có phủ Mẫu, phía trong là am thiền.

– Chùa Đọi Sơn hiện nay được xây dựng theo kiểu chữ đình bao gồm bảy gian tiền đường và ba gian thượng điện. Hệ thống vì kèo làm theo kiểu chồng đầu giá chiêng, cột cái đường kính 30 cm, chân kê đá cổ bông, xà và hoành vuông, mái lợp ngói ta. Xung quanh xây tường gạch, năm gian giữa nhà Tiền đường được lắp cánh cửa bức bàn bằng gỗ lim.



Hình 1.18. Toàn cảnh chùa Đọi Sơn (phường Tiên Sơn)

Ngôi chùa hiện còn nhiều di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia có giá trị:

– Bia Sùng Thiện Diên Linh, được khắc năm 1121, vào đời vua Lý Nhân Tông. Bia Sùng Thiện Diên Linh không chỉ có giá trị cao về mặt nội dung mà còn là tấm bia có giá trị nghệ thuật. Đây là tấm bia quý hiếm của thời Lý còn lại đến ngày nay, đã được công nhận là bảo vật quốc gia.



Hình 1.19. Nhà bia Sùng Thiện Diên Linh (phường Tiên Sơn)

**Em có biết?**

“Đại Việt quốc dương gia đệ tứ đế Sùng Thiện Diên Linh” được khắc năm 1121 do thượng thư bộ hình Nguyễn Công Bật soạn. Tấm bia cao 2,88 m, ngang 1,40 m. Xung quanh chân bia chạm sóng nước. Giữa những lớp sóng tượng trưng cho biển cả mệnh mông ấy là một tấm bia đá to, do bốn con rồng nâng lên. Thường ở các bia đá, bao giờ cũng là rùa đội bia, nhưng ở đây là do hai đôi rồng. Trán bia ở hai mặt khắc rồng châu lá đề. Diềm bia chạm rồng uốn khúc trong những ô trám.

Đọc đoạn tư liệu trên và cho biết:

1. Thời gian và nét độc đáo của Bia Sùng Thiện Diên Linh.
2. Kể tên và giới thiệu về một bảo vật quốc gia ở địa phương nơi em sinh sống (nếu có).

– Tượng Kim cương: Hiện tại còn 6 pho, đó là các thần tướng nhà trời đi hộ vệ đức Phật, tượng cao 1,60 m tương đương như một người thật. So với các di tích thời Lý còn lại thì số tượng Kim cương ở đây nhiều nhất, hoàn chỉnh nhất.

– Tượng đầu người mình chim (Ki-na-ri): mang hình tượng thần thoại trong nghệ thuật Ấn Độ – Chiêm Thành. Tượng được tác từ đá rập, cao 40 cm tạo một hình người nửa chim.

– Gốm đất nung có hình vũ nữ, gốm đất nung có trang trí hình rồng.

– Pho tượng Di Lạc bằng đồng: là pho tượng bằng đồng được đúc vào năm 1864, nặng 1 000 kg.

Lễ hội chùa Đọi Sơn diễn ra hằng năm vào ngày 21 tháng Ba âm lịch, là dịp để tưởng nhớ vua Lý Nhân Tông và cầu mong mọi sự tốt lành. Lễ hội bao gồm hai phần: phần lễ với các nghi thức dâng hương, tế lễ trang trọng; phần hội với nhiều trò chơi dân gian mang đậm nét văn hoá truyền thống Việt Nam.

*Em hãy chứng minh chùa Đọi Sơn là ngôi chùa còn lưu giữ được nhiều di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia có giá trị.*

## 2.2. Các danh lam thắng cảnh tiêu biểu

### a) Tràng An – Tam Cốc – Bích Động

#### \* Quần thể hang động Tràng An

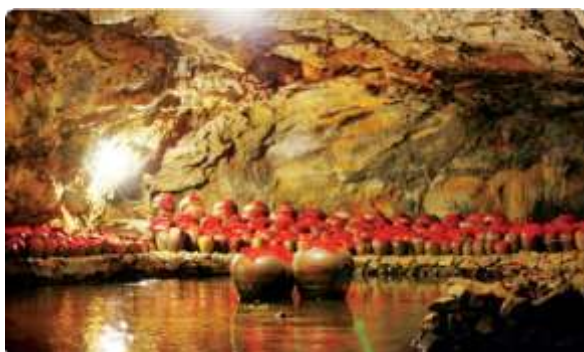
Quần thể hang động Tràng An bao gồm hệ thống các hang khô và hang ngập nước. Các hang động ở đây thường tập trung thành từng cụm, có liên hệ mật thiết với nhau. Trong mỗi hang, do hiện tượng hoà tan và lắng đọng của đá vôi, đã tạo nên hệ thạch nhũ muôn màu, muôn vẻ,... Hệ thống hang động ở Tràng An phổ biến nhất là hệ thống “hang sông” ngập nước thường xuyên,



Hình 1.20. Một góc quần thể hang động Tràng An

ngay cả trong mùa khô, với một số hang tiêu biểu như: hang Địa Linh, hang Tối, hang Sáng, hang Nấu Rượu, hang Ba Giọt,...

Khu vực quần thể hang động này là địa bàn có sự hiện diện của nhiều di tích lịch sử – văn hoá, như: phủ Đột (còn gọi là đền Trình, thờ “tứ trụ triều đình” và hai vị tướng của triều Đinh là Tả Thanh Trù và Hữu Thanh Trù); đền Trần (còn có tên khác là đền Nội Lâm hoặc đền Vụng Thấm, thờ Quý Minh Đại vương); phủ Khổng, thờ vị quan triều Đinh có hiệu vị là Đinh Công Tiết chế; các di chỉ khảo cổ gồm: di chỉ hang Trống, di chỉ hang Bói, di chỉ hang Mòi,...



Hình 1.21. Hang Nấu Rượu  
(phường Tây Hoa Lư)

#### *Em có biết?*

Tên gọi là “Hang Nấu Rượu” vì tương truyền trong hang có mạch nước ngầm sâu hơn 10 m, là nơi xưa kia dùng để lấy nước nấu rượu tiến vua. Hang có độ dài khoảng 250 m, có vòm cao, không khí thoáng và mát mẻ, dòng nước trong lành, có thể đi lại bằng thuyền nan thuận tiện. Ngày nay, các nhà khảo cổ học đã tìm thấy rất nhiều bình, vại và các dụng cụ để nấu rượu trong khu vực hang này.

1. Kể tên những di tích lịch sử – văn hoá trong quần thể hang động Tràng An.
2. Trình bày giá trị lịch sử, văn hoá của một di tích mà em ấn tượng nhất.

#### **\* *Thắng cảnh Tam Cốc***

Thắng cảnh Tam Cốc tọa lạc ở phường Nam Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình. Tam Cốc có nghĩa là ba hang, gồm hang Cả, hang Hai và hang Ba. Giống như xuyên thủy động, dòng sông Ngô Đồng xuyên ngầm qua ba hang lớn trong khoảng cách gần nhau, tạo nên một kì quan của tạo hoá.



Hình 1.22. Đường vào Tam Cốc  
(phường Nam Hoa Lư)



Hình 1.23. Hang Cả  
(phường Nam Hoa Lư)

Hang Cả, còn được gọi là hang Ngoài hoặc hang Lớn. Đây là hang có nhiều nhũ đá đẹp. Do có vòm hang cao, nên vào mùa lũ, nước hầu như không lên tới trần hang và không bào mòn các nhũ đá, bởi vậy trong hang có nhiều nhũ đá hơn hẳn hai hang còn lại.

Hang Hai, còn được gọi là hang Giữa hoặc hang Trung. Miệng hang phía ngoài rộng, phần giữa của hang hơi thắt lại. Trần hang có nhiều hình nhũ đá rất đẹp.

Hang Ba, còn được gọi là hang Bé. Miệng hang phía ngoài rộng, phía trong hơi loe ra. Hang thường xuyên bị ngập nước khi mưa nhiều, dẫn đến các nhũ đá bị bào mòn, nhiều chỗ thành vệt nhẵn.

Theo sách *Thái Vi quốc tế ngọc kí* (viết trong tập *Trần Gia ngọc phá*, lập năm Cảnh Thịnh thứ 5 (1667), sao lại vào năm Bảo Đại thứ 3 (1924) lưu tại Bảo tàng Ninh Bình), Trần Thái Tông là người đầu tiên phát hiện ra thắng cảnh Tam Cốc, cũng là người thấy được địa thế hiểm yếu của vùng núi non hang động này. Trong lịch sử, Tam Cốc là nơi thuộc căn cứ địa Trường Yên của nhà Trần trong cuộc kháng chiến lần thứ hai chống quân xâm lược Nguyên (thế kỉ XIII). Nhiều khu vực của Tam Cốc đã từng là chỗ dựa vững chắc cho lực lượng kháng chiến trong thời kì kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1946 – 1954).

*Trình bày những giá trị tiêu biểu của thắng cảnh Tam Cốc.*

#### **\* Chùa và động Bích Động**

Di tích chùa và động Bích Động thuộc phường Nam Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình, được mệnh danh là “Nam thiên đệ nhị động”. Di tích là sự kết hợp hài hoà giữa cảnh đẹp kì thú của hang động, núi non với sự tài hoa, khéo léo của con người.



Hình 1.24. Chùa và động Bích Động (phường Nam Hoa Lư)

Các kiến trúc ở đây chủ yếu dựa vào vách đá, hang động, tạo thành một khối thống nhất, vững chắc. Toàn cảnh chùa được bố cục theo kiểu “tam toà”: phía dưới là chùa Hạ, tiếp đến là chùa Trung, trên cùng là chùa Thượng.

Theo văn bia ở chùa, sử sách và truyền thuyết dân gian, trước đây chùa và động cùng có tên gọi là Bích Sơn. Chùa được khởi dựng từ thời Lê Trung hưng, gắn liền với tên tuổi của các vị sư trụ trì là Trí Kiên và Trí Thế. Năm Giáp Ngọ (1774), khi tuần hành qua đây, chúa Trịnh Sâm đã giao cho Nguyễn Nghiễm giám sát phường thợ làm rỗng rã trong tám tháng để khắc lên vách đá 2 chữ “Bích Động”. Chữ được viết theo lối đại tự, chân phương, khuôn chữ dài 1,5 m, rất sắc nét. Từ đó tên chùa cũng được gọi theo là Bích Động.

Trong những năm kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1946 – 1954), Bích Động từng là một khu căn cứ quan trọng. Tại đây, Công binh xưởng Phan Đình Phùng đã được thành lập để sản xuất vũ khí. Chùa và động còn là nơi chứa lương thực, in tài liệu tuyên truyền, đồng thời là địa điểm huấn luyện chiến đấu của bộ đội, du kích địa phương.

Với những giá trị lịch sử, văn hoá, khoa học và thẩm mỹ đặc biệt, danh lam thắng cảnh Tràng An – Tam Cốc – Bích Động đã được Thủ tướng Chính phủ xếp hạng là Di tích quốc gia đặc biệt vào năm 2012.

*Vì sao di tích lại có tên là Bích Động? Trình bày những giá trị nổi bật của di tích.*

### b) Núi Non Nước

Núi Non Nước có tên cổ là Dục Thúy Sơn, nghĩa là “con chim trả tắm bên dòng sông nước bạc”. Núi nằm ở vị trí ngã ba sông, giao giữa sông Vân với sông Đáy, thuộc địa bàn phường Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình.

Núi Non Nước không chỉ nổi bật bởi vẻ đẹp sơn thủy hữu tình mà còn là một địa danh giàu giá trị lịch sử – văn hoá, mang ý nghĩa tâm linh sâu sắc. Thời Lý, vào đời Quảng Hựu (1085 – 1091) chùa, tháp được xây dựng tại núi Non Nước. Sang thời nhà Trần, niên hiệu Khai Hựu – Thiệu Phong (1329 – 1357), thiền sư Trí Nhu (đệ tử đắc pháp của Pháp Loa) trùng tu tháp, gọi tên là Linh Tế; Trương Hán Siêu soạn bài kí khắc vào tháp. Như vậy, núi Non Nước gắn liền với sự phát triển của Phật giáo, đặc biệt là thiền phái Trúc Lâm.

Nằm bên núi có chùa Non Nước cổ kính và đền thờ danh sĩ Trương Hán Siêu đời Trần, một danh nhân của vùng đất Ninh Bình. Trương Hán Siêu được coi là người có công đầu phát hiện và khai thác vẻ đẹp của núi Non Nước.

Ông là người đầu tiên lưu bút tích một bài thơ khắc vào núi đá, cũng là bài thơ “đặt tên” cho ngọn núi này (Dục Thúy sơn). Từ hàng trăm năm trước, núi Non Nước là nơi thưởng ngoạn và đề thơ của nhiều vị vua, danh nhân, thi sĩ nổi tiếng như Phạm Sư Mạnh, Nguyễn Trãi, Lê Thánh Tông, Lê Hiến Tông,... Hiện nay, với hơn 40 bài thơ còn lưu lại trên vách đá của các danh nhân, núi Non Nước còn được coi là “núi Thơ”, là một “bảo tàng” thơ bằng đá độc nhất vô nhị ở Việt Nam.



Hình 1.25. Núi Non Nước  
(phường Hoa Lư)



Hình 1.26. Một số bài thơ khắc trên vách núi Non Nước (phường Hoa Lư)

Núi Non Nước gắn với nhiều sự kiện lịch sử của đất nước qua các giai đoạn khác nhau. Năm 968, vua Đinh Tiên Hoàng cho xây đồn lũy trên núi như một tiền

đồn để bảo vệ kinh đô Hoa Lư. Năm 1929, người chiến sĩ cách mạng trẻ tuổi Lương Văn Tuy đã cầm cờ búa liềm trên núi với hàng chữ: “Ủng hộ Xô Nga – Xô Nga vạn tuế”.

Ngày nay, trên núi Non Nước vẫn còn lô cốt với vết tích của bom đạn thời chiến tranh, có tượng anh hùng Lương Văn Tuy như minh chứng cho tinh thần quật cường của nhân dân địa phương trong lịch sử giữ nước, bảo vệ quê hương.

Với những giá trị đặc sắc về lịch sử, văn hoá và danh lam thắng cảnh, núi Non Nước đã được Thủ tướng Chính phủ xếp hạng là Di tích quốc gia đặc biệt vào năm 2019.

*Bằng những sự kiện lịch sử gắn liền với lịch sử dân tộc từ thế kỉ X đến thế kỉ XX, hãy chứng minh giá trị lịch sử của di tích núi Non Nước.*

### **c) Quần thể danh thắng Tam Chúc**

Quần thể danh thắng Tam Chúc là danh thắng tiêu biểu, đặc sắc của tỉnh Ninh Bình, có giá trị nổi bật về cảnh quan thiên nhiên, lịch sử – văn hoá và khảo cổ học. Danh thắng có quy mô bảo vệ khoảng 4 000 ha, bao trùm vùng rừng núi phượng Tam Chúc, tỉnh Ninh Bình. Đây là một cảnh quan các-xơ đá vôi nhiệt đới hình thành qua hàng triệu năm kiến tạo địa chất, tạo nên vẻ đẹp nguyên sơ với hàng trăm ngọn núi thấp, hang động, suối ngầm, bồn trũng và hệ rừng tự nhiên phong phú như núi Thất Tinh, hang cổ sinh Lôgi, Thung Vạc, hồ Tam Chúc (hồ Lục Nhạc),...



**Hình 1.27. Toàn cảnh quần thể danh thắng Tam Chúc (phường Tam Chúc)**

Tam Chúc mang tính đại diện cho các quá trình sinh thái và sinh vật trong tiến hoá, là nơi cư trú của nhiều hệ sinh thái trên cạn và nước ngọt, có ý nghĩa quan trọng trong bảo tồn đa dạng sinh học. Đặc biệt, khu vực này là nơi sinh sống của quần thể Voọc lông trắng – loài linh trưởng quý hiếm bậc nhất thế giới với hơn 100 cá thể, cùng hàng trăm loài động vật khác, trong đó có 24 loài nằm trong sách đỏ Việt Nam và thế giới.



Hình 1.28. Voọc lông trắng tại vùng núi Tam Chúc (phường Tam Chúc)

Bên cạnh giá trị thiên nhiên, Tam Chúc còn là một vùng đất cổ có bề dày lịch sử lâu đời: có nhiều di tích quan trọng như đình Tam Chúc, chùa Tam Chúc cổ; đền Mẫu; đền Giếng. Tại đó, thờ nhiều nhân nhân vật như: Đinh Tiên Hoàng và Hoàng hậu Dương Thị Nguyệt, Lý Quốc Sư, Phật hoàng Trần Nhân Tông,... Các cuộc điều tra, khảo sát của Viện Khảo cổ học và Bảo tàng tỉnh Hà Nam (cũ) vào năm 2023 đã phát hiện khoảng 15 địa điểm khảo cổ học tại các hang động, mái đá và chân núi. Nhiều di tích thuộc văn hoá Hoà Bình có niên đại từ cuối thời kỳ đồ đá cũ đến đầu đồ đá mới như Hang Đội 4, Hang Tổ 8, mái đá Mỏ Sét; các di tích giai đoạn Đá mới – văn hoá Đa Bút và dấu ấn văn hoá Đông Sơn đã chứng minh Tam Chúc là nơi con người cư trú liên tục từ rất sớm.



Hình 1.29. Lễ hội chùa Tam Chúc (phường Tam Chúc)

Song song với các giá trị vật thể, Tam Chúc còn lưu giữ nhiều giá trị văn hoá phi vật thể gắn với tín ngưỡng dân gian và Phật giáo qua các triều đại lịch sử. Lễ hội Tam Chúc là lễ hội vùng tiêu biểu của tỉnh Ninh Bình, gồm lễ hội làng Tam Chúc (tháng 11 âm lịch) và lễ hội chùa Tam Chúc – lễ hội Xuân (ngày 12 tháng Giêng). Các nghi lễ truyền thống cùng các hoạt động văn hoá dân gian đã thể hiện đậm nét bản sắc văn hoá cộng đồng cư dân đồng bằng Bắc Bộ.

Với những giá trị nổi bật về thiên nhiên, lịch sử và văn hoá, quần thể Danh thắng Tam Chúc được định hướng phát triển thành khu du lịch quốc gia, gắn bảo tồn di sản với phát triển bền vững, góp phần giáo dục truyền thống lịch sử – văn hoá và quảng bá hình ảnh tỉnh Ninh Bình đến với nhân dân cả nước và bạn bè quốc tế. Năm 2025, Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định xếp hạng quần thể Tam Chúc là Di tích quốc gia đặc biệt.

*Trình bày những giá trị nổi bật của quần thể danh thắng Tam Chúc.*

Qua tìm hiểu các di tích tiêu biểu, có thể thấy di sản lịch sử – văn hoá tỉnh Ninh Bình vô cùng đa dạng, từ các công trình kiến trúc tín ngưỡng dân gian đến các biểu tượng lịch sử. Mỗi di tích là một câu chuyện độc đáo, góp phần làm nên bức tranh văn hoá phong phú của quê hương. Mỗi ngôi chùa, ngôi đền, ngọn tháp hay cột cờ đều là những pho sử bằng đá gạch, gỗ, ghi dấu sự bền bỉ và tài hoa của các thế hệ đi trước. Việc hiểu đúng giá trị của di tích là nền tảng để các em hình thành tình yêu quê hương và lòng tự hào dân tộc.

#### **Em có biết?**

Ngày nay, công nghệ 4.0 đã được ứng dụng mạnh mẽ trong việc bảo tồn di tích tại tỉnh Ninh Bình. Nhiều di tích đã được thực hiện “số hoá” bằng công nghệ thực tế ảo (VR) 360°, cho phép các em “tham quan” đền đài, hang động ngay tại lớp học. Các em cũng có thể sử dụng mã QR để truy cập thông tin thuyết minh tự động khi đến thăm các điểm di sản này đấy!

Trong bối cảnh hội nhập quốc tế, mỗi học sinh cần trở thành một “đại sứ văn hoá”, không chỉ bảo vệ sự nguyên vẹn của di tích mà còn lan toả những câu chuyện lịch sử hào hùng của Ninh Bình đến với bạn bè muôn phương.

### **C. LUYỆN TẬP**

- Hoàn thành bảng thống kê các di tích lịch sử – văn hoá trên địa bàn nơi em sinh sống theo mẫu sau:

STT	Tên di tích	Địa điểm (xã/phường)	Loại hình (lịch sử/ kiến trúc/ khảo cổ,...)	Xếp hạng (cấp tỉnh/quốc gia/quốc gia đặc biệt/ thế giới,...)	Trạng thái bảo tồn (tốt/đang xuống cấp,...)
1	?	?	?	?	?
2	?	?	?	?	?
3	?	?	?	?	?
...	?	?	?	?	?

2. Em đọc kĩ các phát biểu dưới đây và đánh dấu (X) vào cột tương ứng. Nếu phát biểu sai, giải thích ngắn gọn lí do.

STT	Phát biểu	Đúng	Sai	Giải thích (nếu sai)
1	Tỉnh Ninh Bình có 10 di tích quốc gia đặc biệt.			
2	Phủ Dầy là trung tâm thực hành Tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ của người Việt.			
3	Đền Cồ Trạch thuộc khu di tích đền Trần là nơi thờ 14 vị vua nhà Trần.			
4	Cột cờ Nam Định được xây dựng lần đầu tiên vào thời vua Thiệu Trị.			
5	Tính đến năm 2025, Tràng An là một trong những di sản hỗn hợp đầu tiên của Việt Nam được UNESCO công nhận.			
6	Đền Trần Thương gắn liền với truyền thuyết kho lương của vương triều nhà Đinh.			
7	Cố đô Hoa Lư là kinh đô của Việt Nam dưới hai triều đại là Ngô và Đinh.			
8	Tám bia Sùng Thiện Diên Linh ở chùa Đọi Sơn được công nhận là Bảo vật quốc gia.			
9	Quần thể danh lam thắng cảnh Tam Chúc từng được lựa chọn là nơi tổ chức Đại lễ Vesak.			
10	Núi Non Nước nằm bên sông Hoàng Long, còn có tên gọi khác là Dục Thúy Sơn.			

#### D. VẬN DỤNG

##### 1. Dự án học tập: “Hướng dẫn viên du lịch tài năng”

– Nhiệm vụ: Em hãy làm việc cá nhân hoặc theo nhóm, lựa chọn một di tích lịch sử – văn hoá tiêu biểu ở địa phương (hoặc đã học trong chủ đề) và thiết kế một sản phẩm truyền thông để giới thiệu di tích đó đến du khách.

– Hình thức sản phẩm (gợi ý):

+ Video ngắn (3 – 5 phút): Giới thiệu về di tích (thực hiện quay phóng sự tại hiện trường hoặc ghép tranh ảnh phối hợp với lời thuyết minh truyền cảm...);

+ Infographic (đồ hoạ thông tin): Tóm tắt các giá trị cốt lõi của di tích (tên di tích, vị trí, lịch sử, điểm độc đáo kiến trúc và lời mời gọi tham quan,...);

+ Poster/tờ rơi: Quảng bá du lịch cho di tích (thiết kế ấn phẩm có hình ảnh đẹp, cung cấp các thông tin cần thiết về tuyến đường đi và các lưu ý khi tham quan,...).

– Yêu cầu:

+ Nội dung: Thông tin chính xác, đầy đủ về lịch sử, văn hoá, kiến trúc.

+ Hình thức: Hấp dẫn, sáng tạo, có tính thẩm mỹ cao.

+ Hiệu quả: Có khả năng thu hút sự quan tâm và quảng bá tốt hình ảnh của di tích; có thông điệp kêu gọi mọi người cùng chung tay bảo vệ di sản.

## **2. Viết báo cáo thực trạng và đề xuất giải pháp bảo tồn di tích**

Viết một bài báo cáo ngắn (khoảng 300 – 500 từ) về thực trạng bảo tồn và phát huy giá trị của một di tích lịch sử – văn hoá ở địa phương mà em biết. Trong báo cáo, cần nêu rõ những mặt đã làm được và những hạn chế còn tồn tại trong công tác bảo tồn, phát huy giá trị của di tích. Từ đó, hãy đề xuất các giải pháp cụ thể mà theo em là khả thi để bảo tồn và phát huy tốt hơn giá trị của di tích đó.

## Chủ đề 2

# NGUỒN LỰC PHÁT TRIỂN KINH TẾ – XÃ HỘI TỈNH NINH BÌNH

Học xong chủ đề này, em sẽ:

- Trình bày được đặc điểm các nguồn lực phát triển kinh tế – xã hội tỉnh Ninh Bình.
- Phân tích được ảnh hưởng của các nguồn lực đối với sự phát triển kinh tế – xã hội tỉnh Ninh Bình.
- Vẽ được sơ đồ các nguồn lực phát triển kinh tế – xã hội tỉnh Ninh Bình.
- Viết được báo cáo phân tích ảnh hưởng của các nguồn lực đến sự phát triển một ngành kinh tế ở địa phương.



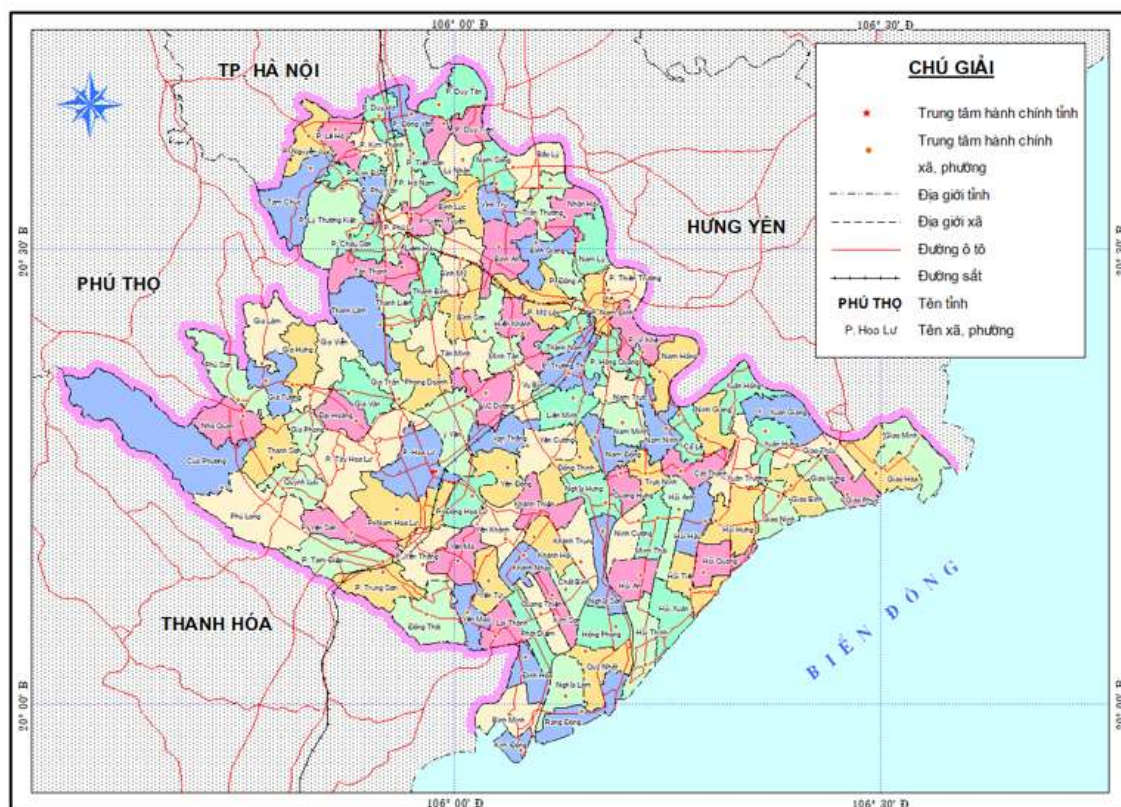
Hình 2.1. Lược đồ vị trí tỉnh Ninh Bình trong bản đồ Việt Nam

# Bài 1. NGUỒN LỰC VỀ TỰ NHIÊN VÀ KINH TẾ – XÃ HỘI TỈNH NINH BÌNH

## A. MỞ ĐẦU

Ninh Bình là vùng đất cổ đô, trù phú ở ven biển phía nam Đồng bằng Sông Hồng với nguồn tài nguyên thiên nhiên đa dạng, phong phú. Sau quá trình hợp nhất ba tỉnh Ninh Bình, Nam Định, Hà Nam trước đây<sup>1</sup>, tỉnh Ninh Bình đã và đang phát huy mọi nguồn lực giúp địa phương bứt phá, hướng tới mục tiêu phát triển bền vững, toàn diện và hội nhập sâu rộng.

*Trong bối cảnh mới, các nguồn lực phát triển kinh tế – xã hội của tỉnh Ninh Bình có đặc điểm và vai trò như thế nào?*



Hình 2.2. Lược đồ hành chính tỉnh Ninh Bình

<sup>1</sup> Theo Nghị quyết số 202/2025/QH15 của Quốc hội ngày 12/6/2025 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh.

## B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

### 1. Vị trí địa lí

Tỉnh Ninh Bình có diện tích khoảng 3 942,6 km<sup>2</sup> (năm 2025) chiếm 1,19 % diện tích cả nước. Địa giới hành chính bao gồm 97 xã và 32 phường, tiếp giáp với thủ đô Hà Nội, các tỉnh Hưng Yên, Phú Thọ, Thanh Hoá và vịnh Bắc Bộ.

Tỉnh Ninh Bình là cửa ngõ phía nam đồng bằng Bắc Bộ, kết nối giữa ba vùng kinh tế – xã hội lớn của đất nước (vùng Đồng bằng sông Hồng, vùng Bắc Trung Bộ, vùng Trung du và miền núi phía Bắc). Nằm trên các tuyến giao thông huyết mạch, Ninh Bình có nhiều điều kiện thuận lợi trong giao thương, logistics và thu hút vốn đầu tư. Với vị trí tiếp giáp vịnh Bắc Bộ, Ninh Bình có lợi thế phát triển các ngành kinh tế biển. Không gian phát triển mới sẽ tạo động lực để Ninh Bình phát triển mạnh mẽ, hội nhập sâu rộng, bứt phá trong Kỷ nguyên mới.

*Đọc mục 1 và quan sát hình 2.1, 2.2, hãy trình bày đặc điểm và phân tích ảnh hưởng của vị trí địa lí đến sự phát triển kinh tế – xã hội của tỉnh Ninh Bình.*

## 2. Nguồn lực tự nhiên

### 2.1. Địa hình

Ninh Bình có địa hình đa dạng gồm đồi núi, đồng bằng, vùng trũng và ven biển. Địa hình thấp dần từ tây bắc xuống đông nam.

Địa hình đồi núi chủ yếu là đồi núi thấp, gồm núi đá vôi, núi thạch sét, đồi đất, đan xen giữa núi là các thung lũng lòng chảo hẹp. Dạng địa hình này chiếm khoảng 15 % diện tích tự nhiên của tỉnh, phân bố chủ yếu ở phía tây và tây bắc, là bộ phận của dải đá vôi kéo dài từ xã Mỹ Đức – Hà Nội qua phường Kim Bảng đến phường Tam Điệp – Ninh Bình. Quá trình xâm thực mạnh ở vùng núi tạo nên nhiều dạng địa hình độc đáo như các hang động cát-xtơ, khe rãnh với nhiều cảnh quan đẹp có thể phát triển du lịch.

#### *Em có biết?*

Ninh Bình được ví như “Hạ Long cạn” với những khu vực địa hình cat-xtơ ở quần thể danh thắng Tràng An, Tam Cốc Bích Động, Ngũ động Thi Sơn,... Đây là dạng địa hình có ý nghĩa rất lớn trong phát triển du lịch của tỉnh.



**Hình 2.3. Danh thắng Tràng An (phường Nam và Tây Hoa Lư)**

Địa hình đồng bằng chiếm phần lớn diện tích của tỉnh, gồm đồng bằng châu thổ sông và đồng bằng ven biển. Dải đồng bằng phù sa sông có độ cao trung bình 2 – 3 m, đất đai màu mỡ có nhiều tiềm năng phát triển nông nghiệp. Dải đồng bằng ven biển ở phía đông nam bị chia cắt bởi các cửa sông lớn có nhiều tiềm năng phát triển kinh tế biển. Trong đồng bằng có một số vùng trũng thấp, thường bị ngập nước vào mùa mưa.

*Dựa vào nội dung mục 2.1 và quan sát hình 2.3, hãy nêu đặc điểm và phân tích ảnh hưởng của địa hình đến sự phát triển kinh tế – xã hội của tỉnh Ninh Bình.*

## 2.2. Đất

Ở Ninh Bình có nhiều nhóm đất khác nhau.

**Nhóm đất phù sa sông** chiếm khoảng 34,55 % diện tích tự nhiên toàn tỉnh, được hình thành do kết quả lắng đọng phù sa của hệ thống sông Hồng. Đây là loại đất có độ phì cao, thích hợp trồng cây lương thực, thực phẩm và cây công nghiệp hàng năm. Tuy nhiên, chất lượng đất đang bị suy thoái, diện tích có xu hướng giảm do cường độ canh tác cao, quá trình sản xuất lạm dụng nhiều phân bón hoá học, thuốc bảo vệ thực vật, do sức ép của dân số, tác động của quá trình công nghiệp hoá, đô thị hoá,...

**Nhóm đất đỏ vàng** có diện tích khoảng 14,13 % diện tích tự nhiên toàn tỉnh, phân bố chủ yếu ở các xã Nho Quan, xã Gia Viễn, phường Tam Điệp,... phù hợp với phát triển cây ăn quả, cây công nghiệp hàng năm và hoa màu. Đây là loại đất chua dễ bị rửa trôi, do vậy để duy trì độ phì cho đất cần kết hợp bón phân hữu cơ với nhiều biện pháp bảo vệ đất cần thiết khác.

**Nhóm đất mặn** chiếm khoảng 2,94 % diện tích tự nhiên của tỉnh, được hình thành trên trầm tích biển và trầm tích sông biển. Loại đất này phân bố chủ yếu ở các xã Kim Đông, xã Bình Minh, xã Hải Thịnh,... Đây là loại đất thích hợp cho làm muối, nuôi thủy sản và trồng rừng ngập mặn.

Ngoài ra ở Ninh Bình còn có một số nhóm đất khác như đất cát biển, đất thung lũng, đất xám bạc màu, đất đen, đất glây,... các loại đất này có diện tích không đáng kể và phân bố rải rác trên địa bàn tỉnh.

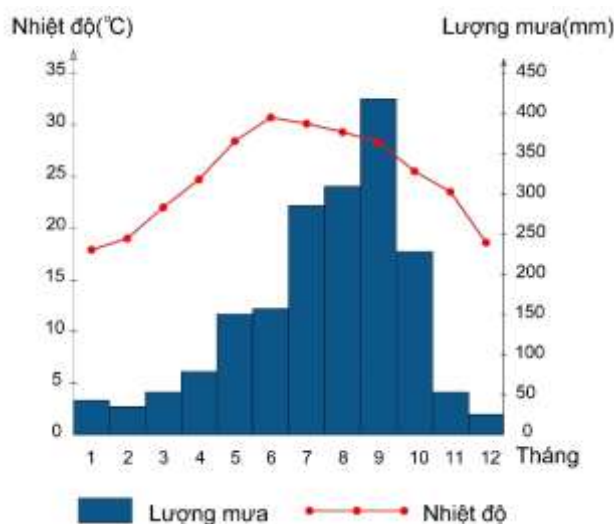
Đất tự nhiên được sử dụng vào nhiều mục đích khác nhau: sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, làm muối,... Trong đó, đất nông nghiệp có xu hướng giảm nhẹ, đất phi nông nghiệp tăng nhanh do kết quả của quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá và đô thị hoá.

*Dựa vào nội dung mục 2.2, hãy nêu đặc điểm các nhóm đất của tỉnh Ninh Bình. Phân tích ảnh hưởng của tài nguyên đất đến sự phát triển kinh tế – xã hội của tỉnh.*

### 2.3. Khí hậu

Khí hậu Ninh Bình mang đặc điểm chung của khí hậu miền Bắc nước ta là khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa có mùa đông lạnh, chịu ảnh hưởng sâu sắc của gió mùa Đông Bắc và gió mùa Đông Nam. Nhiệt độ trung bình năm khoảng 23 – 24°C, trong đó mùa đông có từ 2 – 3 tháng lạnh (nhiệt độ trung bình dưới 18°C). Tổng số giờ nắng trung bình năm từ 1 600 – 1 700 giờ. Tổng lượng mưa trong năm khoảng 1 800 – 1 900 mm. Độ ẩm không khí trung bình năm trên 80 %. Lượng nhiệt ẩm dồi dào thuận lợi cho thâm canh tăng vụ. Ngoài các sản phẩm nông nghiệp nhiệt đới, Ninh Bình còn có các sản phẩm á nhiệt đới được trồng vào vụ đông.

Tuy nhiên, Ninh Bình cũng nằm trong vùng chịu ảnh hưởng lớn của thiên tai và biến đổi khí hậu, nhất là bão, áp thấp nhiệt đới và các hiện tượng thời tiết cực đoan khác như: nắng nóng kéo dài, rét đậm, rét hại,...



Hình 2.4. Biểu đồ nhiệt độ và lượng mưa của Ninh Bình

*Đọc nội dung mục 2.3, quan sát hình 2.4, hãy nêu đặc điểm khí hậu của tỉnh Ninh Bình. Cho biết đặc điểm đó có ảnh hưởng như nào đến sự phát triển kinh tế – xã hội của tỉnh?*

### 2.4. Nguồn nước

Ninh Bình có hệ thống sông ngòi khá dày đặc với mật độ trung bình 1,0 – 1,3 km/km<sup>2</sup>. Tổng chiều dài của các con sông trên toàn tỉnh khoảng 1 599 km, trong đó có nhiều sông lớn như sông Hồng, sông Đáy, sông Hoàng Long, sông Ninh Cơ, ... Phần lớn sông chảy theo hướng tây bắc – đông nam và đổ ra vịnh Bắc Bộ. Tổng lượng nước mặt khoảng 100,5 tỉ m<sup>3</sup>/năm. Chế độ nước sông phân mùa rõ rệt, trong đó mùa lũ từ tháng 6 đến tháng 10 chiếm khoảng 70 – 80 % lượng nước cả năm. Hệ thống sông ngòi cung cấp nước và phù sa cho sản xuất nông nghiệp, là môi trường phát triển các hoạt động nuôi trồng thủy sản và giao thông vận tải. Ngoài ra Ninh Bình còn có nhiều hồ, đầm như hồ Tam Chúc, hồ Vị Xuyên, hồ Đồng Chương, hồ Yên Thắng, đầm Vân Long, đầm Cút, ... Các hồ, đầm này được khai thác để phát triển du lịch và nuôi thủy sản.

Nguồn nước ngầm trên địa bàn tỉnh phong phú với tổng trữ lượng tài nguyên nước ngầm khoảng 1 triệu m<sup>3</sup>/ngày. Các suối nước khoáng nóng Kênh Gà, Thường Sung có giá trị kinh tế cao.

Tuy nhiên, nguồn nước gần đây bị ô nhiễm đã ảnh hưởng đến sản xuất và sinh hoạt.



Hình 2.5. Hồ Yên Thắng (xã Đồng Thái)

*Đọc nội dung mục 2.4 quan sát hình 2.5, hãy phân tích những thuận lợi và khó khăn của nguồn nước đối với sự phát triển kinh tế – xã hội tỉnh Ninh Bình.*

## 2.5. Sinh vật

Ninh Bình là địa phương có hệ sinh thái đa dạng và phong phú: hệ sinh thái rừng trên núi đá vôi, hệ sinh thái gò đồi, hệ sinh thái vùng đồng bằng, hệ sinh thái đất ngập nước và hệ sinh thái vùng ven biển.

Diện tích đất lâm nghiệp có rừng khoảng 37,6 nghìn ha (2024) chiếm 9,4 % diện tích đất tự nhiên của tỉnh bao gồm: rừng sản xuất, rừng phòng hộ và rừng đặc dụng. Rừng đặc dụng có diện tích lớn nhất khoảng 18,3 nghìn ha (chiếm 47,78 % diện tích đất lâm nghiệp), phân bố trong khu vực Vườn quốc gia Cúc Phương và Vườn quốc gia Xuân Thủy.

Về thực vật, Ninh Bình có 3 714 loài thực vật bậc cao và 378 loài thực vật bậc thấp phân bố ở nhiều sinh cảnh khác nhau từ rừng núi đá vôi, đất ngập nước đến đồng bằng, trong đó có nhiều loài thực vật quý hiếm được ghi trong sách đỏ Việt Nam như nghiến, tuế lá rộng, vạn tuế, thiên tuế, găng nghèo,...

Hệ động vật phong phú với 143 loài thú, 602 loài chim, 161 loài bò sát lưỡng cư, 303 loài cá,... Nguồn lợi thủy hải sản trong tỉnh cũng khá phong phú. Một số loài có giá trị kinh tế cao như: ngao, tôm, sứa, rong câu chỉ vàng. Đây là những điều kiện thuận lợi để phát triển nhiều ngành kinh tế.

#### **Em có biết?**

Vườn quốc gia Cúc Phương thuộc địa phận của ba tỉnh là Ninh Bình, Thanh Hoá và Phú Thọ với tổng diện tích 22 400 ha, trong đó 90 % diện tích thuộc tỉnh Ninh Bình, là vườn quốc gia đầu tiên tại Việt Nam, được thành lập năm 1962, sở hữu hệ sinh thái rừng mưa nhiệt đới nguyên sinh vô cùng phong phú. Hệ động, thực vật trong Vườn quốc gia Cúc Phương chiếm khoảng 25 % tổng số loài thực vật đã được xác định ở Việt Nam, trong đó có 307 loài chim, 89 loài thú, 67 loài bò sát, 16 loài lưỡng cư, 1 800 loài côn trùng. Vườn quốc gia Cúc Phương liên tục được vinh danh là vườn quốc gia hàng đầu châu Á từ năm 2019 – 2021 và là một điểm đến hàng đầu cho du lịch sinh thái và bảo tồn thiên nhiên.



**Hình 2.6. Vọc quần đùi trắng tại khu bảo tồn thiên nhiên ngập nước Vân Long (xã Gia Vân, xã Gia Viễn, xã Gia Hoà)**

*Đọc nội dung mục 2.5 và quan sát hình 2.6, hãy nêu đặc điểm và phân tích ảnh hưởng của tài nguyên sinh vật đến sự phát triển kinh tế – xã hội của tỉnh Ninh Bình?*

## **2.6. Khoáng sản**

Tài nguyên khoáng sản của tỉnh Ninh Bình không nhiều.

Khoáng sản nhiên liệu có than đá, than nâu, than mỡ, than bùn, trong đó có trữ lượng lớn nhất là than bùn gần 10 triệu tấn.

Khoáng sản vật liệu xây dựng là tài nguyên có ý nghĩa rất lớn đối với phát triển kinh tế của tỉnh. Trong đó, nổi bật là đá vôi xi măng, sét xi măng.

Đá vôi xi măng có 26 mỏ, tổng trữ lượng 3 657,8 triệu tấn và đá vôi hoá chất có 01 mỏ, trữ lượng 32 866 triệu tấn, phân bố ở phía tây, thuộc phường Lý Thường Kiệt, xã Nguyễn Úy, xã Thanh Bình, xã Thanh Lâm và xã Tân Thanh. Trong đó, đá vôi ở 2 mỏ Thanh Sơn (phường Lý Thường Kiệt) và mỏ Kiện Khê (phường Châu Sơn) có độ tinh khiết cao, không những đạt chỉ tiêu sản xuất xi măng mà còn đáp ứng chỉ tiêu sản xuất các nguyên liệu hoá học.

Sét xi măng có 22 mỏ, tổng trữ lượng 539,6 triệu tấn, phân bố chủ yếu ở các xã Thanh Bình, xã Thanh Liêm, xã Tân Thanh và phường Lý Thường Kiệt thuận tiện cho việc khai thác và sản xuất xi măng.

Sét làm gạch ngói có trữ lượng trên 20,84 triệu m<sup>3</sup> phân bố rải rác ở khu vực đồng bằng trong tỉnh.

Cát xây dựng đang được khai thác ở các bãi bồi giữa lòng và ven sông Đáy, sông Hồng, sông Châu Giang, sông Ninh Cơ, sông Đào với 14 điểm mỏ trữ lượng khai thác trên 67 nghìn m<sup>3</sup>/năm.

Khoáng sản phi kim như pi-rít, đô-lô-mít, phốt-pho-rít có trữ lượng từ vài triệu tấn đến hàng tỉ tấn.

Tài nguyên năng lượng: Ninh Bình được đánh giá là tỉnh có nhiều tiềm năng phát triển điện mặt trời, điện gió và điện sinh khối. Trong thời gian tới, các dự án đi vào hoạt động không chỉ tạo ra nguồn năng lượng dồi dào phục vụ cho nhu cầu phát triển kinh tế – xã hội mà còn giải quyết việc làm cho hàng nghìn lao động đóng góp vào ngân sách nhà nước hàng trăm tỉ đồng mỗi năm.

Khoáng sản ở Ninh Bình là nguồn nguyên liệu quan trọng cho các ngành công nghiệp khai thác chế biến nguyên liệu sản xuất xi măng, phân bón hoá học, sản xuất vật liệu xây dựng.

Tuy nhiên, hoạt động khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh đã làm biến đổi cảnh quan và cũng gây ra nhiều vấn đề về môi trường.

## 2.7. Tài nguyên biển

Tỉnh Ninh Bình có đường bờ biển dài gần 90 km với nhiều cửa sông lớn nên quá trình bồi tụ diễn ra mạnh.

Vùng ven biển có hệ sinh thái đa dạng gồm rừng ngập mặn, bãi triều, đầm lầy. Đặc biệt, Vườn quốc gia Xuân Thủy có vai trò quan trọng trong bảo tồn đa dạng sinh học và hệ sinh thái đất ngập nước.

Vùng biển và các cửa sông có nguồn lợi thủy, hải sản phong phú với nhiều loài có giá trị kinh tế như tôm, cua, cá, ngao, sò,... Trữ lượng nguồn lợi ước tính hơn 170 nghìn tấn. Khả năng khai thác hàng năm đạt khoảng 80 000 – 100 000 tấn. Các bãi triều và vùng nước lợ thuận lợi cho nuôi ngao, tôm, cua và nhiều loài thủy

sản khác. Điều kiện tự nhiên thuận lợi cho nghề muối với các cánh đồng muối như Hải Lý, Hải Chính, Bạch Long.

Các cửa sông rộng tạo điều kiện phát triển cảng biển và dịch vụ hậu cần. Các bãi biển Quất Lâm và Thịnh Long đang thu hút khách du lịch, khu vực Cồn Lu, Cồn Ngạn, Cồn Nổi có giá trị lớn về du lịch sinh thái và nghiên cứu khoa học.

Tuy nhiên, hiện tượng sạt lở bờ biển có xu hướng gia tăng. Việc khai thác và nuôi trồng chưa hợp lý có thể làm suy giảm nguồn lợi thủy sản và gây ô nhiễm môi trường. Vì vậy, phát triển kinh tế biển cần gắn với khai thác hợp lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

#### **Em có biết?**

Vườn quốc gia Xuân Thủy nằm ở phía nam cửa sông Hồng, thuộc xã Giao Minh, tỉnh Ninh Bình, tiêu biểu cho hệ sinh thái đất ngập nước cửa sông ven biển Việt Nam. Năm 1989, khu vực này được công nhận là khu Ramsar đầu tiên của Việt Nam và Đông Nam Á, thứ 409 của thế giới, khẳng định giá trị nổi bật về đa dạng sinh học và sinh thái của vườn quốc gia.



**Hình 2.7. Vườn quốc gia Xuân Thủy (xã Giao Minh)**

*Dựa vào thông tin mục 2.6 và quan sát hình 2.7, hãy phân tích thế mạnh và hạn chế trong phát triển các ngành kinh tế biển ở tỉnh Ninh Bình.*

### **3. Nguồn lực kinh tế – xã hội tỉnh Ninh Bình**

#### **3.1. Dân số và lao động**

##### **a) Dân số**

Dân số là một trong những nguồn lực quan trọng đối với sự phát triển kinh tế – xã hội của tỉnh Ninh Bình

Sau sáp nhập, tỉnh Ninh Bình có dân số trên 3 844 nghìn người (2025), đứng thứ 5/34 tỉnh, thành phố và chiếm khoảng 3,8 % dân số cả nước (sau Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, Đồng Nai và Hải Phòng).

Tốc độ gia tăng dân số trung bình khoảng 1 %/năm, trong đó số người di cư khỏi địa phương có xu hướng cao hơn số người chuyển đến định cư.

Cũng như các địa phương khác trong cả nước, Ninh Bình có cơ cấu “dân số vàng” với tỉ lệ người trong độ tuổi lao động chiếm trên 65 %. Đây là nguồn lực quan trọng đối với các hoạt động sản xuất tại địa phương.

Năm 2025, mật độ dân số của tỉnh khoảng 974 người/km<sup>2</sup>. Tuy nhiên, dân cư phân bố không đều. Dân số nông thôn chiếm khoảng 67,8 % tổng số dân, xu hướng giảm dần. Dân số thành thị chiếm khoảng 32,2 % tổng số dân nhưng có xu hướng ngày càng tăng. Ở các vùng đồng bằng và ven biển dân cư tập trung đông hơn ở các vùng đồi, núi phía tây.

**Bảng 2.1. Một số chỉ tiêu về dân số và lao động của tỉnh Ninh Bình (giai đoạn 2010 – 2025)**

Chỉ tiêu	Năm			
	2010	2015	2020	2025
Dân số (nghìn người)	3 518	3 579	3 636	3 844
Dân số thành thị (%)	16,1	17,8	22,3	22,8
Dân số nông thôn (%)	83,9	82,2	77,7	77,2
Tỉ lệ gia tăng dân số (%)	0,11	0,47	0,45	1,20
Mật độ dân số (người/km <sup>2</sup> )	904	917	928	974

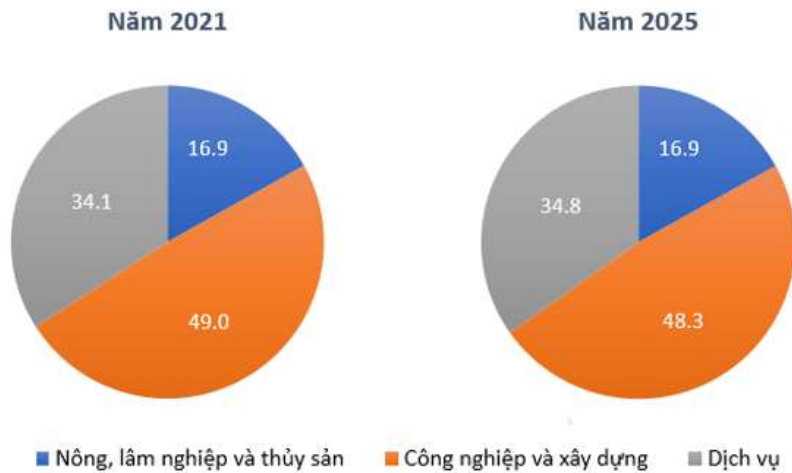
Sinh sống trên địa bàn tỉnh Ninh Bình gồm có người Kinh, người Mường, người Tày, người Thái, người Hoa, người Dao,... Mỗi dân tộc có sắc thái văn hoá độc đáo riêng, là tiềm năng phát triển kinh tế quan trọng của địa phương.

### **b) Lao động**

Ninh Bình có nguồn lao động khá dồi dào. Năm 2025, lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên chiếm khoảng 53,8 % dân số toàn tỉnh.

Do những thành tựu của công tác giáo dục và đào tạo nghề, tỉ lệ lao động qua đào tạo có bằng, chứng chỉ tăng liên tục, từ 14,9 % (2010) lên 30,4 % (năm 2025).

Lao động tập trung chủ yếu trong các ngành công nghiệp, xây dựng và dịch vụ.



**Hình 2.8. Cơ cấu lao động tỉnh Ninh Bình phân theo ngành kinh tế năm 2021 và năm 2025**

*Dựa vào thông tin mục 3.1 và quan sát bảng 2.1, hình 2.8, hãy phân tích ảnh hưởng của dân số và lao động đến sự phát triển kinh tế – xã hội ở tỉnh Ninh Bình.*

### 3.2. Thị trường

Thị trường tiêu thụ của các ngành kinh tế ở Ninh Bình đa dạng và ngày càng mở rộng.

Lợi thế về thị trường trước hết là gần 4 triệu người dân sinh sống trên địa bàn. Các ngành kinh tế của tỉnh phát triển mạnh với nhu cầu cung ứng, phân phối nguyên, vật liệu và sản phẩm ngày càng tăng cao.

Công nghệ mới giúp Ninh Bình tăng cường kết nối với thị trường trong và ngoài nước, khai thác hiệu quả các tiềm năng phát triển, gia tăng năng lực cạnh tranh cấp tỉnh và rút ngắn khoảng cách phát triển với các địa phương khác.

Việc kí kết và thực hiện các hiệp ước thương mại với nhiều nước trên thế giới giúp các doanh nghiệp nội địa nói chung và doanh nghiệp của Ninh Bình nói riêng tham gia sâu vào chuỗi giá trị khu vực, nâng cao năng lực sản xuất, xuất khẩu và cạnh tranh. Đây là cơ hội thuận lợi để Ninh Bình thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, kết nối vùng và hội nhập kinh tế quốc tế.

### 3.3. Văn hoá

Nằm ở nơi tiếp giáp, giao thoa giữa nhiều vùng văn hoá của đất nước nên Ninh Bình luôn là vùng đất “địa linh nhân kiệt”, giàu bản sắc văn hoá – văn hiến, đậm chất cổ đô và hào khí “Đông A”.

Hiện nay, trên địa bàn toàn tỉnh có khoảng 1 106 di tích đã được xếp hạng (trong đó Quần thể danh thắng Tràng An được công nhận là Di sản văn hoá và thiên nhiên thế giới và 10 di tích quốc gia đặc biệt khác); 17 bảo vật quốc gia

(Trống đồng Ngọc Lũ, Cột kinh Phật chùa Nhất Trụ,...); 01 di sản văn hoá phi vật thể được UNESCO ghi danh (Thực hành Tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ của người Việt) và 40 di sản văn hoá phi vật thể quốc gia. Đây cũng là nơi phát tích và lưu giữ di sản của Thánh mẫu Liễu Hạnh và Đức thánh Trần (02 trong tứ bất tử của người Việt).

Gắn liền với các di tích là các nghi lễ dân gian: lễ hội Tịch Điền Đọi Sơn, lễ phát lương Đức thánh Trần, lễ hội Phủ Dầy, lễ hội đền Trần, lễ hội Tràng An,...

Loại hình nghệ thuật dân gian đặc trưng của Ninh Bình là hát Châu văn, Ca trù và hát Xẩm.

Nhiều làng nghề truyền thống ở Ninh Bình đã có lịch sử hàng trăm, nghìn năm như: đúc đồng Tống Xá, chạm khắc gỗ La Xuyên, trống Đọi Tam, hoa cây cảnh Vị Khê, thêu ren Văn Lâm, chế tác đá mỹ nghệ Ninh Vân,...

Có thể thấy không gian văn hoá đặc sắc, đa dạng, năng động của đất và người Ninh Bình đã tạo nên sức hấp dẫn lớn đối với du khách trong và ngoài nước.

### 3.4. Vốn đầu tư

Tỉnh Ninh Bình đã tích cực huy động vốn từ các thành phần kinh tế bằng nhiều hình thức với môi trường đầu tư kinh doanh và các cơ chế ưu đãi đầu tư hấp dẫn.

Vốn đầu tư phát triển toàn xã hội luôn chiếm tỉ trọng cao so với tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (GRDP) và nằm trong nhóm cao nhất của vùng Đồng bằng sông Hồng.

**Bảng 2.2. Vốn đầu tư toàn xã hội của tỉnh Ninh Bình qua các thời kì**

Chỉ tiêu	Giai đoạn		
	2011 – 2015	2016 – 2020	2021 – 2025
Tổng vốn đầu tư toàn xã hội (tỉ đồng)	267 485	418 633	654 799
Tỉ lệ so với GRDP (%)	55,8	56,5	46,73
Trong đó: Vốn đầu tư nước ngoài (tỉ USD)	1,06	2,05	2,94

Nguồn vốn huy động được ưu tiên đầu tư vào các lĩnh vực công nghệ cao, công nghệ sạch, công nghiệp chế biến, chế tạo thân thiện với môi trường và có giá trị gia tăng cao. Trong đó, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm khoảng 2,8 %; khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm khoảng 34,9 %; khu vực dịch vụ chiếm khoảng 62,3 % tổng nguồn vốn.

Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài ngày càng thể hiện vai trò quan trọng với 275 dự án được cấp mới (2025).

### ***Em có biết?***

Đến năm 2025, nhiều dự án lớn được triển khai trên địa bàn tỉnh như: dự án sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi máy tính, dự án sản xuất các sản phẩm nhựa và sản phẩm Melamin (khu công nghiệp Mỹ Thuận) có tổng mức đầu tư lần lượt là 120 và 77 triệu USD; dự án VSIP Nam Định có tổng mức đầu tư 102,4 triệu USD,...

*(Nguồn: Thực trạng kinh tế – xã hội tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2021 – 2025)*

### **3.5. Chính sách phát triển**

Ninh Bình là một trong những địa phương có tốc độ bứt phá kinh tế điển hình ở vùng Đồng bằng sông Hồng nhờ sự chỉ đạo quyết liệt của các cấp chính quyền địa phương. Các chính sách được ban hành với phương châm chuyển từ “thu hút bằng số lượng” sang “thu hút nhà đầu tư chiến lược có công nghệ cao và năng lực quản trị hiện đại”, tập trung chủ yếu vào các vấn đề chuyển đổi số, xây dựng kết cấu hạ tầng, phát triển đô thị, xây dựng nông thôn mới, phát triển kinh tế biển, phát triển công nghiệp, bảo tồn di sản,... đáp ứng yêu cầu thực tiễn địa phương. Cải cách hành chính được đẩy mạnh. Các chỉ số đo lường hiệu quả quản trị, sức cạnh tranh địa phương (PCI<sup>1</sup>, SIPAS<sup>2</sup>, PAR INDEX<sup>3</sup>) của Ninh Bình được cải thiện đáng kể.

Hoàn thiện thể chế, cải thiện môi trường đầu tư và phát triển nguồn nhân lực là các điều kiện tiên quyết, đã và đang tạo ra động lực tăng trưởng cho tỉnh Ninh Bình.

*Dựa vào thông tin mục 3.2 – 3.5 và quan sát bảng 2.2, hãy phân tích tác động của thị trường, văn hoá, vốn đầu tư và chính sách phát triển đến các hoạt động kinh tế – xã hội ở tỉnh Ninh Bình.*

### **3.6. Cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất, kĩ thuật**

#### **a) Giao thông vận tải**

Ninh Bình là một trong những đầu mối giao thông vận tải lớn của vùng Đồng bằng sông Hồng với mạng lưới vận tải gồm nhiều loại, phân bố rộng khắp, góp phần quan trọng trong việc rút ngắn khoảng cách địa lí giữa Ninh Bình với các tỉnh trong nước và với các nước khác trên thế giới.

Năm 2025, tổng chiều dài đường bộ toàn tỉnh khoảng 7 311 km, mật độ đường khoảng 1,87 km/km<sup>2</sup>, cao hơn mật độ trung bình cả nước (mật độ trung bình cả

<sup>1</sup> PCI (Provincial Competitiveness Index): Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh.

<sup>2</sup> SIPAS (Satisfaction Index of Public Administrative Services): Chỉ số sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước.

<sup>3</sup> PAR INDEX (Public Administration Reform Index): Chỉ số cải cách hành chính.

nước là 0,81 km/km<sup>2</sup>). Trong đó có 02 tuyến cao tốc quan trọng quy mô 6 làn xe là: cao tốc Bắc – Nam phía Đông (73,8 km) và cao tốc Hưng Yên – Thái Bình (4,5 km).

Các tuyến đường sắt qua địa bàn là đường sắt Bắc – Nam và 03 tuyến nhánh đường sắt chuyên dùng với 14 ga. Ninh Bình đang triển khai quy hoạch và xây dựng mới tuyến đường sắt tốc độ cao Bắc – Nam (320 – 350 km/giờ), đoạn qua địa bàn tỉnh có tổng chiều dài khoảng 107 km.

Hệ thống giao thông đường thủy gồm 17 tuyến sông, kênh phân bố rộng khắp với tổng chiều dài 922 km; 02 cảng biển (cảng Nam Định, cảng Ninh Bình) và khoảng 47 bến, cảng hàng hoá nội địa đang hoạt động.

Cùng với hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông, hệ thống kho bãi, bến cảng đáp ứng tốt nhu cầu vận tải, phân phối hàng hoá và hình thành một số trung tâm logistics cấp tỉnh (phường Đồng Văn, phường Phủ Lý, phường Nam Định, phường Hoa Lư,...).

Ninh Bình đang hoàn thiện nhiều công trình giao thông chiến lược giúp kết nối liên vùng, khai thác tối đa tiềm năng và tạo động lực mới cho sự phát triển kinh tế của tỉnh, như: sân bay, cảng biển nước sâu, đường bộ cao tốc,...

#### **b) Điện**

Hệ thống cấp phát điện của Ninh Bình cũng đã được đầu tư xây dựng với 01 trạm biến áp TBA 500 KV (Nho Quan), tổng dung lượng 1 800 MVA, 06 tuyến đường dây 500 KV với tổng chiều dài 1 216,1 km. Hệ thống điện đã tới được 100 % số xã, phường trên địa bàn. Tất cả các hộ gia đình đã được sử dụng điện lưới quốc gia. Sự cố điện giảm; chất lượng nguồn điện và lưới điện ngày càng được nâng cấp phục vụ đắc lực cho quá trình phát triển kinh tế – xã hội ở địa phương.

#### **c) Thủy lợi**

Hiện nay, Ninh Bình có bảy hệ thống công trình thủy lợi trong đó hai hệ thống công trình thủy lợi lớn là hệ thống thủy lợi sông Nhuệ và hệ thống thủy lợi Bắc Nam Hà. Hàng năm các công trình thủy lợi nội đồng đều được nạo vét, tu bổ sửa chữa nâng cấp phục vụ kịp thời nhu cầu tưới tiêu trên địa bàn.

#### **d) Bưu chính viễn thông**

Ninh Bình cũng đã và đang tiến hành đầu tư, nâng cấp mạng lưới thông tin liên lạc trên địa bàn toàn tỉnh để đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế – xã hội trong giai đoạn mới. Hệ thống điểm phục vụ bưu chính gồm 562 điểm và 24 doanh nghiệp bưu chính, chuyên phát hoạt động chính thức. Vùng phủ sóng thông tin di động, hạ tầng internet băng rộng ngày càng được mở rộng đến tận thôn, tổ dân phố sẵn sàng đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số.

*Dựa vào thông tin mục 3.6, hãy phân tích ảnh hưởng của cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật đến sự phát triển kinh tế – xã hội ở tỉnh Ninh Bình trong giai đoạn mới.*

### **C. LUYỆN TẬP**

1. Vẽ sơ đồ các nguồn lực về tự nhiên và kinh tế – xã hội của tỉnh Ninh Bình.
2. Kể tên và phân tích ảnh hưởng của các nguồn lực đối với sự phát triển kinh tế – xã hội của địa phương, nơi em sinh sống.

### **D. VẬN DỤNG**

1. Hãy lựa chọn và hoàn thành một ấn phẩm truyền thông giới thiệu các nguồn lực bên ngoài có ảnh hưởng đến sự phát triển ngành du lịch (hoặc nông nghiệp) của tỉnh Ninh Bình.
2. Viết đoạn văn ngắn giới thiệu về một nguồn lực quan trọng nhất đối với sự phát triển kinh tế của địa phương.

## **Bài 2. THỰC HÀNH: VIẾT BÁO CÁO VỀ ẢNH HƯỞNG CỦA NGUỒN LỰC ĐẾN SỰ PHÁT TRIỂN MỘT NGÀNH KINH TẾ Ở ĐỊA PHƯƠNG**

### **1. Nội dung thực hành**

Thu thập tài liệu và viết báo cáo về các nguồn lực để phát triển một ngành kinh tế ở địa phương.

### **2. Gợi ý nội dung báo cáo và thu thập tài liệu**

#### **2.1. Gợi ý nội dung báo cáo**

- Giới thiệu khái quát về địa phương nơi em đang sinh sống.
- Tìm hiểu về một ngành kinh tế ở địa phương và phân tích ảnh hưởng của các nguồn lực (vị trí địa lí, nguồn lực tự nhiên, nguồn lực kinh tế – xã hội) đối với sự phát triển ngành kinh tế đó.

#### **2.2. Gợi ý thu thập tài liệu**

- Thu thập tài liệu về các nghị quyết, quyết định liên quan đến nguồn lực, tình hình phát triển kinh tế – xã hội, phương hướng phát triển kinh tế – xã hội của tỉnh Ninh Bình từ các thông tin điện tử:
  - + <https://ninhbinh.gov.vn/kinh-te>;
  - + <https://iza.ninhbinh.gov.vn/>;
  - + <https://quydautuphat trien.ninhbinh.gov.vn/>;
- Các nguồn tài liệu đã xuất bản, tranh ảnh, video,... có liên quan đến kinh tế – xã hội của tỉnh Ninh Bình.

## Chủ đề 3

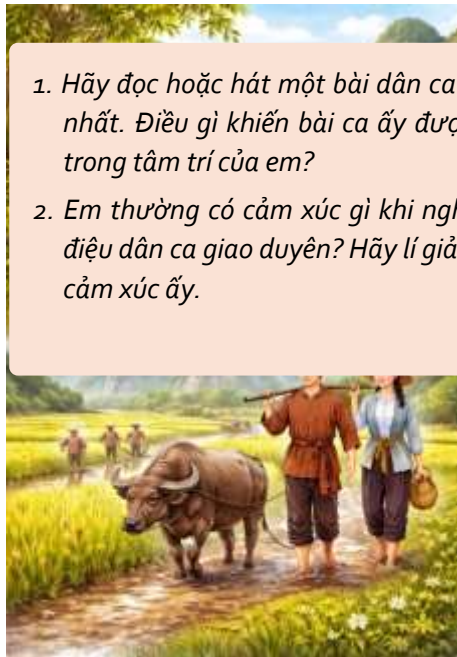
# CA DAO – DÂN CA NINH BÌNH

### Học xong chủ đề này, em sẽ:

- Nhận biết được bối cảnh văn hoá của ca dao, dân ca tỉnh Ninh Bình.
- Phân tích và đánh giá được giá trị thẩm mỹ của một số yếu tố trong ca dao, dân ca tỉnh Ninh như từ ngữ, hình ảnh, nhân vật trữ tình,...
- Phân tích và đánh giá được chủ đề, tư tưởng, thông điệp của một số bài ca dao, dân ca tỉnh Ninh Bình.
- Biết thuyết trình (giới thiệu, đánh giá) về nội dung và nghệ thuật của một bài ca dao, dân ca.
- Yêu mến, tự hào về vốn ca dao – dân ca của tỉnh Ninh Bình, tự hào về truyền thống văn hoá của quê hương, trân trọng khát vọng hạnh phúc của con người Ninh Bình.

## Bài 1. DÂN CA NINH BÌNH

### A. MỞ ĐẦU



1. *Hãy đọc hoặc hát một bài dân ca mà em thích nhất. Điều gì khiến bài ca ấy được lưu lại mãi trong tâm trí của em?*
2. *Em thường có cảm xúc gì khi nghe những làn điệu dân ca giao duyên? Hãy lí giải vì sao em có cảm xúc ấy.*

Hình 3.1. Tranh minh họa của AI

## B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

### 1. Văn bản

#### 1.1. Văn bản 1

### HÁT TRỐNG QUÂN<sup>1</sup> TRÊN THUYỀN

(trích)

...

*Câu thương trước liệu bày ra,  
Thương người, thương cả đường ra lối vào.  
Thương người, thương cái cầu ao,  
Người đi xuống đáy hôm nào rửa chân.  
Thương người, thương cả cái sân,  
Người ngồi, người hát, tôi lần nòng hong<sup>2</sup>.  
Thương người thương cả cái sông,  
Thuyền lồng bóng nước, người lồng bóng trăng.  
Thương người thương cả bóng trăng,  
Tôi ngồi, tôi đối tôi đặng với người.  
Thương người, thương cả cái coi,  
Người nhặt một miếng người mời tôi ăn.  
Thương người, thương cả cái khăn,  
Người che môi thắm, người giăng lên đầu.  
Thương người, thương cả miếng trâu,  
Mùi miếng đều hạt như nhau cả mùi.*

...

*Sang câu nhớ, tôi kể rành rành,  
Nhớ tựa trước màn, nhớ đứng trước hiên.  
Nhớ ngồi chả vừng, nhớ đứng chả yên,  
Năm thời lại nhớ, nhớ lên bờ bờ.  
Ăn lấy một bát cầm hơi,  
Nào biết đưa lời mà hỏi han ai?  
Nhớ sao lại có nhớ dai,  
Nhớ đập chẳng vỡ, nhớ mài chẳng hao!*

---

<sup>1</sup> Hát Trống quân: Là loại dân ca đối đáp thử tài đua trí với nội dung trao duyên, trao cả những nhận biết và kinh nghiệm sống giữa nam nữ thanh niên. Hát Trống quân thuộc dạng hát nói, hát kể, nương theo niêm luật và thanh điệu từ ngữ của thơ lục bát, song thất lục bát, đôi khi là cả một bài thất ngôn bát cú.

<sup>2</sup> Nòng hong: Dây thừng bện và cuộn lại thành cuộn tròn như quả bưởi, gọi là quả nòng hong.

*Nhớ sao trong dạ nôn nao,  
Nhìn ra vườn đào nhớ lại càng thêm.  
Rũ khăn, rũ áo, rũ mền,  
Càng rũ, nhớ lại càng nêm chặt vào.  
Khoả chân ở cái cầu ao,  
Cho tan cái nhớ, trở vào nhớ lại theo sau!  
Vội vàng bứt cái quả bầu,  
Ăn cho đỡ nhớ bỗng đâu nhớ kẻ?...*

(Theo Văn nghệ dân gian Hà Nam, Hội Văn học nghệ thuật Hà Nam, 2000, tr.300 – 301)

1. Nêu mạch cảm xúc của đoạn trích.
2. Theo em, mạch cảm xúc trong đoạn trích có thống nhất với nhau không? Vì sao?
3. Chỉ ra biện pháp tu từ tiêu biểu diễn tả tâm trạng nhân vật trữ tình trong đoạn trích trên.
4. Nhận xét về các hình ảnh và từ ngữ được dùng để gợi tả tâm trạng nhân vật trữ tình trong những câu hát trống quân.
5. Nêu cảm nhận của em về vẻ đẹp tâm hồn của người bình dân Ninh Bình qua đoạn trích.

## 1.2. Văn bản 2

### HÁT MỤA

*(Dân ca giao duyên<sup>1</sup> vùng ngã ba sông Móng)*

*Trên trời có đám mây xanh,  
Có con ngựa bạch chạy quanh gằm trời.  
Đôi ta muốn lấy nhau chơi,  
Cái duyên không định ông trời không xe.  
Những nơi chết dấp bờ tre,  
Cái duyên cứ định trời xe em vào.  
Ba đồng một sợi chỉ đào,  
Áo gấm không vá, vá vào áo tôi.  
Cực lòng thiếp lăm chàng ơi,  
Biết rằng lên ngược xuống xuôi cũng đành.*

(Địa chí Hà Nam, NXB Khoa học xã hội, 2005, tr.963 – 964)

<sup>1</sup> Hát giao duyên vùng ngã ba sông Móng có nguồn gốc từ hát đối, thuộc thể hát đối ca một giọng tức là cả hai bên nam, nữ hát chung một bài hát có cùng một làn điệu. Nhưng mục đích đối ý về sau mờ nhạt dần, chất trữ tình nổi trội lên. Dân ca giao duyên vùng ngã ba sông Móng lấy chất liệu từ cuộc sống, từ các câu chuyện dã sử, từ câu chuyện dân gian,...

1. Xác định chủ thể trữ tình của lời ca.
2. Nhân vật trữ tình trong bài ca đang ở tình cảnh nào? Tình cảnh đó làm nảy sinh những tâm trạng gì?
3. Bài ca được làm theo dạng đối cảnh sinh tình của thể hứng. Cảnh và tình trong bài ca có mối quan hệ với nhau như thế nào?
4. Nhân vật trữ tình muốn nói điều gì qua hai câu: "Ba đồng một sợi chỉ đào/ Áo gấm không vá, vá vào áo tơ"?
5. Lời than "Cực lòng thiếp lắm chàng ơi/ Biết rằng lên ngược xuống xuôi cũng đành" gợi cho em cảm xúc, suy nghĩ gì?

## 2. Em cần nhớ

Dân ca là hình thức sinh hoạt văn hoá dân gian gắn với đời sống lao động và giao duyên của nhân dân, thường được thể hiện qua hình thức hát đối đáp nam nữ. Các bài dân ca giao duyên bộc lộ tình cảm yêu thương, nhớ nhung, khát vọng hạnh phúc của người dân một cách chân thành, tinh tế và giàu cảm xúc. Dân ca vùng Ninh Bình và khu vực lân cận còn phản ánh không gian sinh hoạt sông nước, làng quê và phong tục giao duyên đặc sắc của cư dân địa phương. Qua đó, dân ca góp phần lưu giữ vẻ đẹp tâm hồn, lối sống nghĩa tình và bản sắc văn hoá truyền thống của cộng đồng.

## C. LUYỆN TẬP

1. Trích đoạn dân ca *Hát trống quân trên thuyền* và bài dân ca *Hát mưa* giúp em hiểu được gì về đặc điểm nội dung và hình thức của dân ca Việt Nam nói chung và dân ca Ninh Bình nói riêng?
2. Vẽ sơ đồ hoặc lập bảng tổng hợp về các văn bản đã học theo gợi ý sau:

Tên văn bản	Nhân vật trữ tình	Tâm trạng	Nghệ thuật nổi bật
?	?	?	?

## D. VẬN DỤNG

1. Thực hành đọc văn bản sau:

**TRẦY QUÂN**  
(Hát Dậm<sup>1</sup> Quyển Sơn)  
*Hồi quân hồi quân*

<sup>1</sup> Hát Dậm (hay còn gọi là hát Giặm, hát Dặm): Là một loại hình dân ca gồm ca múa nhạc rất cổ của Ninh Bình. Tương truyền, Lý Thường Kiệt trên đường hành quân đi đánh giặc Chiêm Thành đã trú quân ở Quyển Sơn (phường Lý Thường Kiệt, tỉnh Ninh Bình ngày nay), mộng được hai vị nữ thần đến xin theo ân phù đánh giặc; khi chiến thắng trở về ông đã cho mở hội tế thần mừng công tại đây.

*Quân ta đã về  
Đánh đã được giặc  
Đánh đã lai hàng  
Là ta đẩy thuyền về  
Đẩy thuyền ta xá chèo thuyền  
Năm ba mái xem thuyền có nhẹ chằng  
Sào kia chặt đất khăng khăng  
Ta khá nhỏ dầm, nhỏ lầy sào lên  
Cát quân đi đánh Chiêm Thành  
Bắt được tướng nó giao binh khải hoàn.*

(Theo *Văn nghệ dân gian Hà Nam*, Hội Văn học nghệ thuật Hà Nam, 2000, tr.265)

\* Một số điều cần lưu ý khi đọc văn bản:

- Xác định nội dung văn bản.
- Tìm hiểu cách miêu tả không khí Trẩy quân.
- Chú ý đến giọng điệu lời ca.

2. Tìm đọc thêm một số bài dân ca Ninh Bình và ghi chép ngắn gọn những điều em tâm đắc khi đọc những bài dân ca đó.

## Bài 2. CA DAO NINH BÌNH

### A. MỞ ĐẦU

Theo em, ca dao giữ vai trò gì trong đời sống tinh thần của người lao động thuở xưa?

### B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

#### 1. Văn bản đọc hiểu

##### 1.1. Văn bản 1. Ca dao về tình yêu lứa đôi

*Em là con gái Ngòi Ngang,  
Chợ Xanh, bến Cát, biết rằng về đâu?  
Chợ Xanh mua vải nhuộm<sup>1</sup> nâu,  
Chợ Cát mua một coi giầu đợi anh!*

1. Xác định nhân vật trữ tình trong bài ca dao. Nhân vật ấy đang bộc lộ tâm trạng gì qua lời ca?
2. Những địa danh: Ngòi Ngang, Chợ Xanh, bến Cát gợi lên không gian sinh hoạt như thế nào của người dân địa phương?
3. Câu hỏi "biết rằng về đâu?" thể hiện tâm trạng gì của nhân vật trữ tình? Vì sao người xưa thường gửi gắm tình cảm qua cách hỏi như vậy?
4. Hình ảnh "mua vải nhuộm nâu", "mua một coi giầu đợi anh" có ý nghĩa gì trong việc thể hiện tình cảm của cô gái?
5. Qua bài ca dao, em nhận xét gì về vẻ đẹp tâm hồn của người phụ nữ trong đời sống dân gian xưa?

##### 1.2. Văn bản 2. Ca dao về tình cảm gia đình

*Kể chi trời rét đồng sâu,  
Có chồng, có vợ rủ nhau đi bừa.  
Bây giờ trưa đã hồ trưa,  
Chồng vác lầy bừa vợ dắt con trâu.  
Một đoàn chồng trước vợ sau,  
Trời rét mặc rét đồng sâu mặc đồng!*

<sup>1</sup> Ruộm: là cách nói của người dân địa phương, có nghĩa là nhuộm.

1. Bài ca dao tái hiện hoạt động lao động nào của người nông dân? Qua đó, em hình dung như thế nào về đời sống lao động của người dân xưa?
2. Các hình ảnh: "chồng vác lấy bừa, vợ dắt con trâu, chồng trước vợ sau" khắc họa vẻ đẹp nào trong tình cảm vợ - chồng người nông dân xưa?
3. Cách lặp lại cấu trúc: "trời rét mặc rét / đồng sâu mặc đồng" có tác dụng gì trong việc thể hiện tinh thần của người lao động?
4. Qua bài ca dao, em cảm nhận được những phẩm chất nào của người nông dân và tình nghĩa gia đình trong đời sống dân gian?

## 2. Em cần nhớ

Ca dao là tiếng hát tâm tình của người lao động, phản ánh chân thực đời sống và tình cảm đẹp đẽ của con người trong xã hội xưa. Ngôn ngữ ca dao mộc mạc, giàu hình ảnh, giàu nhạc điệu, sử dụng nhiều hình ảnh mang ý nghĩa biểu tượng quen thuộc trong đời sống dân gian. Qua đó, ca dao góp phần bồi đắp tình yêu quê hương, gia đình và những giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc.

### C. LUYỆN TẬP

1. Chỉ ra những yếu tố thể hiện rõ đặc trưng của ca dao về tình yêu đôi lứa trong bài ca dao: "Em là con gái Ngòi Ngang,..."
2. Nhận xét về giọng điệu và cảm hứng chủ đạo của bài ca dao: "Kể chi trời rét đồng sâu,...". Giọng điệu ấy góp phần thể hiện tinh thần của người lao động như thế nào?

### D. VẬN DỤNG

1. Dù ở thời đại nào thì tình yêu, sự gắn bó của các thành viên cũng đều là yếu tố quan trọng làm nên hạnh phúc gia đình. Em hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) đề xuất một số giải pháp để giữ gìn mối quan hệ gắn bó giữa các thành viên trong bối cảnh hiện nay.
2. Em tập làm nghệ sĩ: Lựa chọn một trong các hình thức vẽ tranh, sáng tác ca khúc, thiết kế poster, viết lời bình,... để thể hiện cảm nhận của em về vẻ đẹp của những bài ca dao, dân ca Ninh Bình.

## Chủ đề 4

# THƠ TRUNG ĐẠI NINH BÌNH

Học xong chủ đề này, em sẽ:

- Biết được thân thế, sự nghiệp và những đóng góp của một số tác giả tiêu biểu trong văn học trung đại tỉnh Ninh Bình.
- Nhận biết và phân tích được các phương diện nội dung, hình thức nghệ thuật của một số tác phẩm thơ ca trung đại tiêu biểu tỉnh Ninh Bình.
- Có thái độ trân trọng, yêu mến tự hào và ý thức trách nhiệm sưu tầm, bảo tồn và giới thiệu về những giá trị văn hoá, văn học trung đại tỉnh Ninh Bình.

### A. MỞ ĐẦU

Em hãy tìm hiểu các Tam nguyên (người đỗ đầu cả 3 kì thi thời phong kiến) trên đất Ninh Bình. Hãy giới thiệu về một Tam nguyên mà em yêu thích nhất.

### B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

## Bài 1. TAM QUÁ HẢI VÂN

(Ba lần qua Hải Vân)

– Trần Bích San –

### 1. Tác giả



Hình 4.1. Trần Bích San (1840 – 1877)

Trần Bích San tự Vọng Nghi, hiệu Mai Nham, quê ở làng Vị Hoàng (sau đổi là Vị Xuyên), huyện Mỹ Lộc, nay thuộc phường Nam Định, tỉnh Ninh Bình. Bản tính thông minh, lại được sự dạy dỗ của các bậc thầy nổi tiếng là Phó bảng Trần Doãn Đạt, Tiến sĩ Vũ Công Độ, Hoàng giáp Phạm Văn Nghị nên Trần Bích San sớm hiển đạt trên con đường khoa cử. Năm Giáp Tý (1864), ông đỗ Giải nguyên; năm Ất Sửu (1865), ông đỗ Hội nguyên, rồi Đình nguyên. Trần Bích San là Tam nguyên đầu tiên của vương triều Nguyễn, lại là Tam nguyên liên trúng.

*Nhất cử đặng khoa thiên hạ hữu,*

*Tam nguyên liên trúng quốc triều vô.*

(Một lần đi thi đã đỗ, thiên hạ từng có,

Đỗ đầu liên tiếp ba khoa, trước nay triều ta chưa)

(Câu đối ban cho Trần Bích San của vua Tự Đức)

Bài thơ *Tam quá Hải Vân* được ông ứng tác khi phó quan ở Quảng Nam, Bình Định, nhiều lần qua lại đèo Hải Vân – nơi được mệnh danh là “Đệ nhất hùng quan”.

## 2. Tác phẩm

### 2.1. Văn bản

**Phiên âm:**

*Tam niên tam thưởng Hải Vân đài,  
Nhất điều thân khinh độc vãng hồi.  
Thảo thụ bán không đê nhật nguyệt,  
Cần khôn chích nhĩn tiểu trần ai.  
Văn phi sơn thủy vô kì khí,  
Nhân bất phong sương vị lão tài.  
Hưu đạo Tàn quan chinh lộ hiểm  
Mã đầu hoa tận đới yên khai.*

**Dịch nghĩa:**

Ba năm, ba lần qua đèo Hải Vân,  
Như con chim thân nhẹ, một mình qua lại.  
Cỏ cây giữa tầng không, mặt trời mặt trăng đều thấp,  
Cả trời đất thu vào con mắt, cõi trần coi như nhỏ bé.  
Văn không có hình tượng núi sông, thì không có khí lạ,  
Người chưa trải qua sương gió, thì chưa thể tài cao.  
Thôi đừng nói đường qua ải Tàn là hiểm trở,  
Nơi đầu ngựa, hoa đều đội mây mà nở cả.

**Dịch thơ:**

Ba năm, ba bận vượt Hải Vân,  
Nhẹ cánh, đi về một chiếc thân.  
Cây cỏ lưng trời, tinh tú thấp,  
Cần khôn trong mắt, hẹp cõi trần.  
Vẫn không sơn thủy đâu khi lạ,  
Người chẳng phong sương chẳng xuất thân.  
Thôi bớt nói đường qua ải hiểm,  
Đội mây hoa nở, ngựa đôn chân.

(Nguyễn Văn Huyền, *Tam nguyên Trần Bích San – Cuộc đời và tác phẩm*,  
Hội Văn học Nghệ thuật Nam Hà, 1994)

1. Đọc lại phiên âm, dịch nghĩa để bổ sung những từ ngữ, ý thơ mà dịch thơ chưa truyền tải hết.
2. Số từ trong câu thơ đầu, biện pháp so sánh ở câu thơ thứ hai đã giúp em hình dung gì về tư thế, tâm thế của thi nhân với đèo Hải Vân? Từ tương quan đó, cảnh sắc Hải Vân đã hiện ra như thế nào?
3. Trong hai câu luận, tác giả đã bàn luận về vấn đề nào của văn chương và cuộc sống? Từ đó em rút ra những bài học gì cho việc học tập và rèn luyện của bản thân?
4. Mượn chuyện "ải Tần" trong câu thơ thứ 7, nhà thơ muốn đối thoại với quan niệm sống nào trong xã hội? Từ đó, em hãy tìm lối sống mà thi nhân gửi gắm qua hình ảnh "hoa đội mây mà nở" trong câu thơ cuối?

## 2.2. Em cần nhớ

Hơn 10 năm làm quan dưới triều Tự Đức, Trần Bích San giữ nhiều chức vụ, ở nhiều địa bàn khác nhau (*Quái chỉ giang sơn vị hứa hoàn* (Kể cũng lạ, núi sông còn chưa để cho về)) nhưng thi nhân vẫn dành tình yêu và nỗi nhớ cho sông Vị, cho quê nhà thành Nam, cho cha mẹ (*Quy tâm thái bán đảo Nam thành* (Tám lòng quá nửa trở về với Thành Nam)). Chính điều này đã góp phần tạo nên chất trữ tình, chất triết lí sâu sắc trong thơ ông.

## C. LUYỆN TẬP

1. Chỉ ra và phân tích giá trị của yếu tố quy phạm trong văn bản.
2. Thơ trung đại tả thiên nhiên không chỉ ngụ tình mà còn để nói chí, tải đạo, răn mình. Em hãy phân tích hai câu thơ cuối để làm rõ điều tác giả muốn khuyên răn.

#### **D. VẬN DỤNG**

1. Qua việc tìm hiểu lịch sử và văn bản, em hãy lí giải vì sao Hải Vân Quan có ý nghĩa với lịch sử và sáng tạo thơ ca?
2. Từ việc đọc hiểu hai câu luận trong bài thơ *Tam quá Hải Vân*, em hãy viết đoạn văn khoảng 200 chữ bàn luận về ý nghĩa của trải nghiệm thực tế với sự trưởng thành của người trẻ.

## Bài 2. XUÂN

– Trần Tế Xương –

### A. MỞ ĐẦU

*Em hãy sử dụng Internet, tra cứu sách, báo kết hợp với đi thực địa để giới thiệu về một "địa chỉ văn hoá" trên quê hương Nam Định có liên quan đến nhà thơ Trần Tế Xương.*

### B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

#### 1. Tác giả

Trần Tế Xương tên khai sinh là Trần Duy Uyên, tự là Mặc Trai, hiệu là Mộng Tích, Tử Thịnh. Ông sinh ra trong một gia đình có dòng dõi Nho gia ở làng Vị Xuyên, huyện Mỹ Lộc, sau là phố Hàng Nâu thuộc thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định; nay là phố Minh Khai, phường Nam Định, tỉnh Ninh Bình.

Gắn bó trọn đời với đô thị Thành Nam, Trần Tế Xương chịu tác động trực tiếp của hoàn cảnh xã hội ở giai đoạn bi thương nhất của lịch sử dân tộc cuối thế kỉ XIX: triều đình nhà Nguyễn kí hàng ước lần lượt dâng đất nước cho giặc; các phong trào kháng chiến chống Pháp diễn ra sôi nổi nhưng đều thất bại. Năm 1897, Pháp đặt nền móng cai trị đất nước, chế độ thực dân nửa phong kiến được xác lập, nền kinh tế tư bản đảo lộn trật tự xã hội làm lung lay các mối quan hệ và nền tảng đạo đức truyền thống.

Trần Tế Xương đi học sớm và nổi tiếng thông minh nhưng con đường khoa cử lận đận, tám lần đi thi cũng chỉ dừng lại ở Tú tài (nên tên thường gọi là Tú Xương).

Ông sáng tác thơ, phú, câu đối, hát nói hầu hết bằng chữ Nôm và dịch một số bài thơ Đường. Tác phẩm của ông có sự kết hợp hài hoà giữa các yếu tố hiện thực, trào phúng và trữ tình; thể hiện thái độ mỉa mai, phê phán xã hội đương thời; bày tỏ tâm sự xót xa cay đắng nhưng cũng kín đáo gửi gắm lòng yêu nước.



Hình 4.2. Trần Tế Xương  
(1870 – 1907)

## 2. Tác phẩm

### 2.1. Văn bản

*Xuân từ trong ấy mới ban ra,  
Xuân chẳng riêng ai, khắp mọi nhà.  
Đì đẹt ngoài sân, tràng pháo chuột,  
Loẹt loẹt trên vách, bức tranh gà.  
Chí cha chí chất khua giầy dép,  
Đen thui đen thui cũng lợt là.  
Dám hỏi những ai nơi cố quận,  
Rằng xuân, xuân mãi thế ru mà?*

(Theo Nguyễn Văn Huyền (Chủ biên), *Tú Xương – tác phẩm – giai thoại*,  
Hội Văn học nghệ thuật Hà Nam Ninh, 1986)

1. Bài thơ được viết theo thể thơ nào? Hãy chỉ ra những dấu hiệu của thể thơ đó trong bài thơ.
2. Phân tích sự độc đáo trong nghệ thuật sử dụng hình ảnh, từ ngữ, giọng điệu trong các câu thơ: "Đì đẹt ngoài sân, tràng pháo chuột,/Loẹt loẹt trên vách, bức tranh gà./Chí cha chí chất khua giầy dép,/Đen thui đen thui cũng lợt là."
3. Câu hỏi tu từ cất lên ở cuối bài thơ giúp em hiểu gì về tâm trạng của nhà thơ?
4. Hãy so sánh bài thơ "Xuân" và bài thơ "Năm mới chúc nhau" của Tú Xương về: giọng điệu, thái độ và mức độ trào phúng.

### 2.2. Em cần nhớ

Thơ Trần Tế Xương có sự kết hợp hài hoà giữa các yếu tố hiện thực, trào phúng và trữ tình. Trong bài thơ *Xuân*, nhờ các yếu tố hiện thực, trào phúng, trữ tình, nhà thơ đã xây dựng được hình tượng cái tôi thị dân mới lạ, cái tôi tự trào độc đáo, cái tôi trữ tình sâu sắc, thể hiện nỗi buồn trước sự đổi thay của nhân tình thế thái, gửi gắm nỗi niềm yêu nước sâu kín.

## C. LUYỆN TẬP

1. Chỉ ra và nêu tác dụng của nghệ thuật nói mỉa được sử dụng trong văn bản.
2. Phân tích giá trị của yếu tố tự sự được sử dụng trong văn bản.

## D. VẬN DỤNG

1. "Tú Xương là cây sấu đông ngoài tươi mà trong rầu héo. Những lời trào lộng kiêu bạc chỉ là những hiện tượng da thịt bên ngoài phủ lên một cốt tuỷ chung tình."

(Nguyễn Tuân, *Thời và thơ Tú Xương*)

Em hãy viết một đoạn văn khoảng 8 đến 10 dòng cảm nhận về “cốt tuỷ chung tình” của Tú Xương đằng sau “những lời trào lộng kiêu bạc” trong bài thơ *Xuân*.

2. Qua việc đọc hiểu yếu tố hiện thực của bài thơ *Xuân*, em hãy viết đoạn văn (khoảng 200 chữ) lí giải vì sao người trẻ cần phải gìn giữ văn hoá truyền thống.

## Chủ đề 5

# SỰ CHUYỂN DỊCH NGHỀ NGHIỆP VÀ LAO ĐỘNG Ở TỈNH NINH BÌNH DƯỚI TÁC ĐỘNG CỦA CUỘC CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP LẦN THỨ TƯ

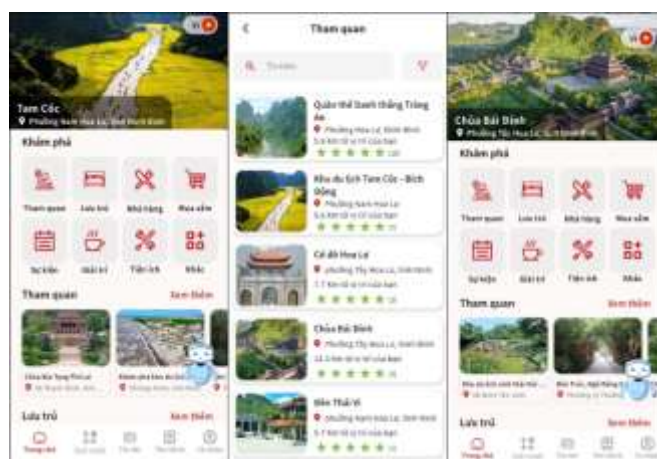
Học xong chủ đề này, em sẽ:

- Hiểu được tác động của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đến sự hình thành và mất đi của các nghề nghiệp ở Ninh Bình.
- Đánh giá được xu hướng chuyển dịch nghề nghiệp và lao động ở Ninh Bình.
- Nhận biết được chủ trương, chính sách phát triển nhân lực của tỉnh Ninh Bình.
- Nâng cao nhận thức của học sinh trong việc định hướng lựa chọn nghề nghiệp phù hợp.

### A. MỞ ĐẦU

Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư (hay còn gọi là cuộc Cách mạng 4.0) đang diễn ra mạnh mẽ trên toàn cầu. Tác động của nó đã, đang và sẽ làm thay đổi một cách có hệ thống toàn bộ cuộc sống của nhân loại, trong đó mang theo những thay đổi lớn đối với cơ cấu ngành nghề và lao động trong xã hội.

Tại Ninh Bình, cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang thúc đẩy mạnh mẽ sự dịch chuyển nghề nghiệp từ lao động thủ công, kỹ năng thấp sang các lĩnh vực công nghệ cao, dịch vụ thông minh và sản xuất hiện đại. Nhu cầu về nguồn lao động kỹ thuật cao ngày càng tăng, trong khi lao động phổ thông chịu áp lực chuyển đổi, đặc biệt là việc ứng dụng công nghệ trong du lịch.



Hình 5.1. Giao diện ứng dụng Ninh Binh Tourism Info

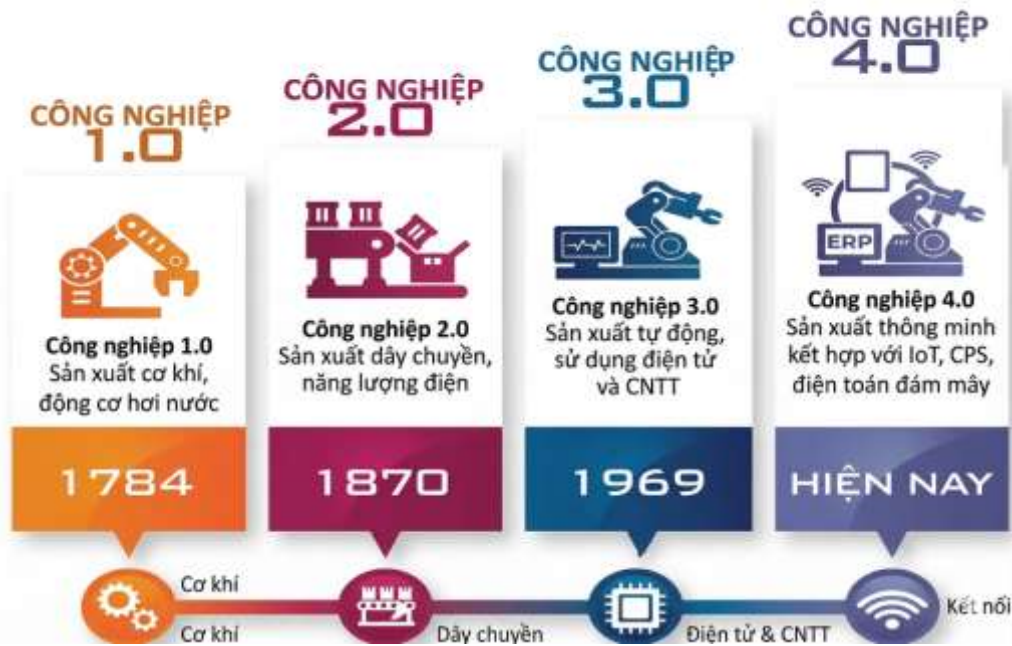
Dựa trên các phương tiện thông tin truyền thông và Internet, em hãy tìm hiểu cách thức quảng bá, tiếp cận khách hàng và dịch vụ hỗ trợ du lịch ở Ninh Bình đã thay đổi như thế nào trong những năm gần đây?

## B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

### 1. Tác động của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư tới nghề nghiệp và lao động ở tỉnh Ninh Bình

#### 1.1. Khái quát về cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư

Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư được bắt đầu từ đầu thế kỉ XXI. Đây là bước phát triển tiếp theo dựa trên nền tảng của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ ba (cuộc cách mạng có đặc trưng là sự ra đời của máy tính và công nghệ kỹ thuật số tạo nền tảng cho việc tự động hoá trong sản xuất).



Hình 5.2. Các cuộc cách mạng công nghiệp

Đặc trưng của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư là sự cải tiến công nghệ một cách nhanh chóng thông qua việc tăng cường sử dụng truyền thông di động và kết nối internet (IoT), dữ liệu lớn (Big Data), trí tuệ nhân tạo (AI), điện toán đám mây (Cloud Computing), công nghệ robot, công nghệ in 3D, nano và công nghệ sinh học,...

Hãy tìm hiểu và cho biết sự khác biệt giữa cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư với các cuộc cách mạng công nghiệp trước đó?

## 1.2. Đặc điểm, cơ cấu lao động và nghề nghiệp ở tỉnh Ninh Bình

Năm 2025 đánh dấu bước ngoặt lớn trong quá trình phát triển của tỉnh Ninh Bình mới (sau sáp nhập tỉnh). Việc sáp nhập ba tỉnh Hà Nam, Nam Định và Ninh Bình là một chiến lược nhằm tối ưu hoá các nguồn lực và tạo ra một cực tăng trưởng mới tại khu vực Nam Đồng bằng sông Hồng.

Về mặt kinh tế – xã hội, sự hợp nhất tạo ra một không gian sinh thái – kinh tế thống nhất, kết nối di sản Tràng An với các khu công nghiệp hiện đại và hạ tầng cảng biển, tạo tiền đề để hình thành một đô thị liên kết có sức cạnh tranh cao.

### a) Đặc điểm, cơ cấu lao động tỉnh Ninh Bình

Toàn tỉnh Ninh Bình mới (sau sáp nhập tỉnh) có quy mô dân số hơn 4,4 triệu người, trở thành một trong những địa phương đông dân ở vùng Đồng bằng sông Hồng và có nguồn nhân lực dồi dào.

**Bảng 5.1. Lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên (Đơn vị: nghìn người)**

Năm	Dân số trung bình	Lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên	Lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc
2021	3 719,1	1 873,9	1 847,9
2022	3 765,7	1 911,4	1 888,8
2023	3 790,2	1 922,6	1 899,3
2024	3 818,8	1 936,9	1 912,0
2025	3 843,8	1 954,4	1 925,5

#### **Em có biết?**

Theo Bộ Luật Lao động năm 2019: Tuổi nghỉ hưu của người lao động trong điều kiện lao động bình thường được điều chỉnh theo lộ trình cho đến khi đủ 62 tuổi đối với lao động nam vào năm 2028 và đủ 60 tuổi đối với lao động nữ vào năm 2035. Kể từ năm 2021, tuổi nghỉ hưu của người lao động trong điều kiện lao động bình thường là đủ 60 tuổi 03 tháng đối với lao động nam và đủ 55 tuổi 04 tháng đối với lao động nữ, sau đó, cứ mỗi năm tăng thêm 03 tháng đối với lao động nam và 04 tháng đối với lao động nữ.

Hiện nay, tỉnh Ninh Bình có khoảng 2,4 triệu người trong độ tuổi lao động (15 – 59 tuổi), chiếm hơn 59 % dân số toàn tỉnh, đây là giai đoạn “vàng” của cơ cấu dân số – lợi thế quan trọng, tạo nền tảng và động lực mạnh mẽ thúc đẩy phát triển kinh tế – xã hội nhanh, bền vững, nâng cao chất lượng cuộc sống người dân.

Thực tiễn cho thấy, lực lượng lao động của tỉnh hiện nay không chỉ đông về số lượng mà còn ngày càng được nâng lên về chất lượng. Trình độ học vấn, tay nghề, khả năng tiếp cận khoa học – công nghệ, kỹ năng nghề nghiệp của người lao động

từng bước được cải thiện, đáp ứng tốt hơn yêu cầu của thị trường lao động trong bối cảnh hội nhập và chuyển đổi số.

Nguồn lao động trẻ, năng động góp phần thúc đẩy phát triển công nghiệp, tiêu thụ công nghiệp, dịch vụ, du lịch; đồng thời mở rộng thị trường tiêu dùng nội địa, tạo sức mua lớn cho các ngành thương mại, dịch vụ. Đây là tiền đề quan trọng để Ninh Bình phát triển theo hướng cân đối, hài hoà giữa tăng trưởng kinh tế và bảo đảm an sinh xã hội.

*Dựa vào thông tin trên, hãy nêu đặc điểm cơ bản của nguồn lao động tỉnh Ninh Bình.*

### **b) Đặc điểm, cơ cấu nghề nghiệp tỉnh Ninh Bình**

Sau sáp nhập tỉnh, cơ cấu nghề nghiệp tỉnh Ninh Bình mới có sự chuyển dịch mạnh mẽ theo hướng đa dạng hoá, hiện đại hoá và tích hợp sâu rộng.

**Bảng 5.2. Số lượng lao động có việc làm phân theo ngành kinh tế (Đơn vị: nghìn người)**

Ngành kinh tế	Năm				
	2021	2022	2023	2024	2025
<b>Tổng số</b>	<b>1 847,9</b>	<b>1 888,8</b>	<b>1 899,3</b>	<b>1 912,0</b>	<b>1 925,5</b>
Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản	313,0	336,3	343,0	331,6	326,4
Khai khoáng	6,4	7,4	6,4	4,2	3,6
Công nghiệp chế biến, chế tạo	648,9	677,3	691,6	679,1	684,0
Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hoà không khí	4,8	5,6	5,3	6,2	6,4
Cung cấp nước; hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải	9,2	9,0	8,8	7,6	7,5
Xây dựng	235,6	246,2	242,3	223,1	228,2
Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác	289,9	276,4	268,4	290,5	294,7
Vận tải kho bãi	60,0	61,7	65,8	74,9	76,5
Dịch vụ lưu trú và ăn uống	52,7	43,5	47,3	52,8	52,7
Thông tin và truyền thông	7,1	7,1	5,5	6,6	8,8
Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm	13,2	13,5	14,3	14,4	13,9
Hoạt động kinh doanh bất động sản	4,9	4,4	2,7	3,7	4,5

Ngành kinh tế	Năm				
	2021	2022	2023	2024	2025
<b>Tổng số</b>	<b>1 847,9</b>	<b>1 888,8</b>	<b>1 899,3</b>	<b>1 912,0</b>	<b>1 925,5</b>
Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ	6,2	6,1	7,2	8,0	9,8
Hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ	12,5	12,2	10,9	9,8	10,3
Hoạt động của Đảng, tổ chức, chính trị xã hội	58,5	55,0	51,6	54,9	54,2
Giáo dục và đào tạo	60,6	64,9	63,9	75,6	73,6
Y tế và hoạt động trợ giúp xã hội	20,5	18,8	19,5	25,4	25,2
Nghệ thuật, vui chơi và giải trí	4,5	3,7	4,3	4,8	5,3
Hoạt động dịch vụ khác	34,3	34,6	35,3	32,8	34,0
Hoạt động làm thuê các công việc trong các hộ gia đình, sản xuất sản phẩm vật chất và dịch vụ tự tiêu dùng của hộ gia đình	5,1	5,1	5,2	6,0	5,9



Hình 5.3. Cơ cấu lao động có việc làm phân theo khu vực kinh tế (Đơn vị: %)

Đọc thông tin trong bảng 5.2 và hình 5.3, hãy cho biết lực lượng lao động có việc làm ở tỉnh Ninh Bình đang tập trung phần lớn vào nhóm ngành nghề nào?

### 1.3. Tác động của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư tới việc làm và người lao động ở tỉnh Ninh Bình

Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư với sự xuất hiện của công nghệ cao, máy móc thông minh, robot, trí tuệ nhân tạo,... sẽ tác động lớn và làm thay đổi thị

trường lao động, việc làm ở tỉnh Ninh Bình. Cung – cầu lao động, cơ cấu lao động và bản chất việc làm đều chịu ảnh hưởng.

– Tác động đến sự hình thành và mất đi của nghề nghiệp:

+ Những đột phá và tự động hoá tác động lớn tới một số ngành nghề ở Ninh Bình, đặc biệt là những ngành nghề dựa vào lao động thủ công (mất đi việc làm trong ngành may mặc, da giày,... hoặc một vài khâu trong quá trình sản xuất ở các nhà máy).



Hình 5.4. Dây chuyền may xuất khẩu của Công ty Cổ phần Yên Thành, xã Yên Khánh

+ Bên cạnh đó, khi nhu cầu về hàng hoá và dịch vụ mới gia tăng dẫn đến sự ra đời của những công việc mới, cơ hội kinh doanh mới và thậm chí là các ngành công nghiệp mới ở tỉnh Ninh Bình như kỹ sư phần cứng, nhân viên vận hành và bảo trì hệ thống thị giác công nghiệp, kỹ sư mạch tích hợp, nhân viên tư vấn bán hàng trực tuyến,...

– Tác động tới số lượng và chất lượng người lao động:

+ Dưới tác động của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, số lượng lao động trong lĩnh vực công nghiệp, thương mại, dịch vụ có xu hướng tăng. Ngược lại, số lượng lao động trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản có xu hướng giảm. Năm 2025, lao động khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản là 326,4 nghìn người, tăng 13,4 nghìn người so với năm 2021, chiếm 17 % trong tổng số, tương đương cơ cấu năm 2021 (16,9 %); lao động khu vực công nghiệp và xây dựng là 929,7 nghìn người, tăng 24,9 nghìn người, chiếm 48,3 %; khu vực dịch vụ 669,4 nghìn người, tăng 39,4 nghìn người, chiếm 34,8 %.<sup>1</sup>

+ Khi có sự tham gia của công nghệ và trí tuệ nhân tạo, rất nhiều khâu của quy trình công việc sẽ do máy móc thông minh đảm nhiệm. Những máy móc này có khả năng làm việc với cường độ cao, ổn định hơn con người, dẫn đến năng suất

---

<sup>1</sup> Thống kê tỉnh Ninh Bình (2025). *Thực trạng kinh tế – xã hội tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2021-2025*.

của hệ thống sẽ được nâng cao. Điều này cũng dẫn đến nhu cầu tăng nguồn nhân lực chất lượng cao trong việc đảm trách chất lượng của hệ thống máy móc.

+ Trong bối cảnh đó, các đơn vị, doanh nghiệp đều phải tái cấu trúc mô hình theo xu hướng giảm các đầu mối quản lý hành chính và tăng tương tác với khách hàng. Do vậy, đòi hỏi người lao động phải năng động hơn, giao tiếp nhiều hơn, xử lý công việc nhiều hơn, nhanh hơn và hiệu quả hơn trong các mô hình kinh doanh mới.

1. Hãy kể tên một số việc làm trong các ngành nghề mà em biết đã mất đi hoặc được hình thành dưới tác động của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư tại tỉnh Ninh Bình?
2. Số lượng và chất lượng người lao động đã thay đổi như thế nào dưới tác động của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư tại tỉnh Ninh Bình?

## 2. Sự chuyển dịch nghề nghiệp và lao động ở tỉnh Ninh Bình

### 2.1. Xu hướng chuyển dịch ngành nghề và lao động ở tỉnh Ninh Bình

Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đem lại nhiều cơ hội và thách thức trong lĩnh vực việc làm, với những tác động trực tiếp và gián tiếp tới các ngành nghề trong nền kinh tế cũng như người lao động ở Ninh Bình.

Cơ cấu nền kinh tế chuyển dịch từ khu vực nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản sang khu vực công nghiệp, xây dựng và dịch vụ. Một số xu hướng chuyển dịch nghề nghiệp ở Ninh Bình trong tương lai:

– Trong khu vực nông nghiệp, việc áp dụng cơ giới hoá, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật mới, công nghệ, công nghệ cao là chìa khoá nâng cao năng suất lao động, tăng sản lượng nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản.



### Hình 5.5. Ninh Bình đẩy mạnh ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất nông nghiệp

– Trong khu vực công nghiệp, việc ứng dụng những tiến bộ công nghệ có tiềm năng dịch chuyển người lao động sang những công việc yêu cầu tay nghề cao hơn, tạo ra năng suất cao hơn. Một số đột phá về công nghệ trong sản xuất (như công nghiệp in 3D, robot công nghiệp, IoT,...) dẫn tới nhu cầu việc làm của các nghề như kỹ sư, phân tích hệ thống máy tính,... tăng lên.

– Cách mạng số có tiềm năng chuyển dịch người lao động sang làm những công việc lấy khách hàng làm trung tâm trong lĩnh vực dịch vụ.

*Em hãy dự đoán nhu cầu nghề nghiệp ở tỉnh Ninh Bình trong thời gian tới. Theo em, những ngành nghề nào sẽ hình thành hoặc phát triển trong tương lai?*

### 2.2. Định hướng phát triển nguồn nhân lực của tỉnh Ninh Bình

Trong bối cảnh sự phát triển mạnh mẽ của khoa học – công nghệ, quá trình hội nhập quốc tế và chuyển dịch cơ cấu kinh tế, Ninh Bình đang đứng trước những cơ hội và thách thức lớn. Là tỉnh có vị trí chiến lược quan trọng, Ninh Bình cần khai thác hiệu quả tiềm năng, lợi thế để thúc đẩy tăng trưởng bền vững. Để đạt được mục tiêu này, việc xây dựng và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao trở thành yếu tố then chốt, đòi hỏi nguồn nhân lực không chỉ đáp ứng yêu cầu chuyên môn mà còn phải có kỹ năng mềm, tư duy sáng tạo và khả năng thích nghi nhanh chóng.

#### Thông tin 1:

Định hướng phát triển nguồn nhân lực của tỉnh Ninh Bình hiện nay tập trung vào đột phá nhân lực chất lượng cao để đáp ứng mục tiêu trở thành thành phố trực thuộc Trung ương vào năm 2030 với đặc trưng “Đô thị di sản thiên nhiên kỉ”. Để hiện thực hoá mục tiêu này, tỉnh đã ban hành và triển khai nhiều nghị quyết, kế hoạch quan trọng, trong đó nổi bật là Nghị quyết số 07-NQ/TU ngày 29/10/2021 về phát triển du lịch đến năm 2030. Một trong những nội dung trọng tâm của Nghị quyết số 07-NQ/TU là chú trọng đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao để đáp ứng yêu cầu của ngành Du lịch. Điều này bao gồm việc xây dựng các chương trình đào tạo chuyên sâu, hợp tác với các cơ sở giáo dục và tổ chức quốc tế để nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng nghiệp vụ và khả năng ngoại ngữ cho lao động ngành Du lịch; Kế hoạch số 141/KH-UBND ngày 20/6/2025 về Triển khai Đề án đào tạo nguồn nhân lực phục vụ phát triển công nghệ cao giai đoạn 2025 – 2035; Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 về Thúc đẩy đổi mới giáo dục và đào tạo để tạo ra thế hệ công dân ưu tú đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ nhiệm kì 2025 – 2030;...

### Thông tin 2:

Qua thời gian quyết liệt triển khai thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 28/12/2016 về phát triển nguồn nhân lực đến năm 2020, định hướng đến năm 2030, công tác phát triển nguồn nhân lực, nhiệm vụ nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đã được lồng ghép thực hiện có hiệu quả. Cơ cấu nguồn nhân lực có sự chuyển dịch tích cực theo ngành, lĩnh vực có thể mạnh của địa phương, chẳng hạn như: lao động trong khối ngành nông, lâm, ngư nghiệp giảm từ 41,58 % (năm 2016), xuống còn 10,2 % (năm 2023); công nghiệp – xây dựng từ 31,03 % (năm 2016) tăng lên 42,7 % (năm 2023); thương mại, dịch vụ từ 27,39 % (năm 2016) tăng lên 47,1 % (năm 2023).

Đào tạo nghề cho lao động trực tiếp được quan tâm, tay nghề, đạo đức và văn hoá người lao động được nâng lên, có khả năng tiếp cận khoa học – công nghệ góp phần tăng năng suất lao động. Vì vậy, tỉ lệ thất nghiệp liên tục giảm và là một trong số ít tỉnh có tỉ lệ thất nghiệp thấp so với tỉ lệ chung của cả nước (cả nước là 2,52 %, Ninh Bình là 1,37 %). Năm 2020, thu nhập bình quân của người lao động đạt 64,91 triệu đồng/năm, tăng 54 % so với năm 2015.

*(Nguồn: Tỉnh uỷ Ninh Bình (2016), Báo cáo số 110-BC/TU sơ kết 5 năm thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 28/12/2016 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển nguồn nhân lực tỉnh Ninh Bình đến năm 2020, định hướng đến năm 2030).*

### Thông tin 3:

- Phát triển nhân lực chất lượng cao: Tập trung đào tạo, thu hút nhân lực chất lượng cao, đặc biệt trong các ngành công nghệ cao, công nghệ bán dẫn để phù hợp với định hướng công nghiệp hoá.
- Chuyển đổi số và giáo dục: Thực hiện “bình dân học vụ số”, phổ cập kiến thức số và đưa tiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai trong các trường học để nâng cao kĩ năng số cho người lao động.
- Đào tạo nguồn nhân lực theo nhu cầu: Xây dựng quy hoạch và phát triển nguồn nhân lực gắn với các quy hoạch phát triển kinh tế – xã hội, đảm bảo cơ cấu hợp lí.
- Phát triển nguồn nhân lực du lịch: Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trong ngành du lịch để phát huy lợi thế di sản, hướng tới phát triển bền vững.
- Phát triển nguồn nhân lực trẻ: Chú trọng chương trình phát triển thanh niên giai đoạn 2021 – 2030, khơi dậy tinh thần cống hiến và khởi nghiệp.
- Đẩy mạnh giáo dục nghề nghiệp: Nâng cao chất lượng tại các cơ sở đào tạo nghề và liên kết đào tạo quốc tế.
- Thu hút nhân tài: Ưu tiên tuyển dụng và đãi ngộ đối với nhân lực có trình độ đại học trở lên trong các ngành khoa học, công nghệ và quản lí di sản.
- Định hướng đến năm 2030: Ninh Bình tập trung nâng cao chất lượng giáo dục, giữ vững vị trí dẫn đầu cả nước về giáo dục toàn diện, đồng thời tăng cường cải cách hành chính và ứng dụng công nghệ để nâng cao hiệu quả quản lí, phục vụ phát triển kinh tế.

1. Em hãy cho biết chủ trương, chính sách phát triển nguồn nhân lực của tỉnh Ninh Bình trong giai đoạn 2025 – 2030 có ý nghĩa gì trong việc thực hiện quá trình hội nhập quốc tế và chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh theo hướng hiện đại?
2. Định hướng phát triển nguồn nhân lực của tỉnh Ninh Bình trong thời gian tới là gì?

### 3. Trách nhiệm của học sinh trong định hướng, lựa chọn nghề nghiệp

#### Em hãy đọc trường hợp sau và trả lời câu hỏi:

Trong buổi sinh hoạt hướng nghiệp lớp 10, Minh – một học sinh có năng khiếu hội họa, đã bày tỏ ý định thi vào ngành Thiết kế đồ họa truyền thống. Tuy nhiên, bố mẹ Minh kịch liệt phản đối vì cho rằng trong thời đại Cách mạng Công nghiệp 4.0, các công cụ trí tuệ nhân tạo (AI) đã có thể tạo ra những bức tranh phức tạp chỉ trong vài giây, khiến cơ hội việc làm của ngành này trở nên bấp bênh. Họ muốn Minh chọn Khoa học dữ liệu hoặc Công nghệ phần mềm để đảm bảo tương lai. Minh cảm thấy hoang mang khi đứng giữa sự giao thoa của sở thích cá nhân và sự thay đổi chóng mặt của thị trường lao động, nơi nhiều ngành nghề cũ đang dần bị thay thế bởi tự động hoá và robot. Minh băn khoăn nên kiên trì với đam mê bằng cách thích nghi với công nghệ mới, hay chuyển hướng sang một lĩnh vực hoàn toàn khác để an toàn hơn.

1. Những yếu tố cụ thể nào của công nghệ đang tác động trực tiếp đến ngành nghề mà Minh yêu thích? Ngoài Thiết kế đồ họa, những ngành nghề nào khác cũng đang chịu ảnh hưởng tương tự bởi làn sóng công nghệ này?
2. Em hãy đề xuất một giải pháp "dung hòa" để Minh vừa theo đuổi được hội họa, vừa không bị AI thay thế. Theo em, học sinh trung học phổ thông cần trang bị thêm những kỹ năng gì (ngoài kiến thức chuyên môn) để không bị "tụt hậu" trước sự biến động của thị trường lao động?
3. Là học sinh trung học phổ thông, em có trách nhiệm như thế nào trong việc tìm hiểu xu hướng nghề nghiệp của xã hội, từ đó lựa chọn ngành nghề trong tương lai phù hợp với năng lực của bản thân?

#### Em cần nhớ

- Tìm hiểu xu hướng ngành nghề trong tương lai: Ngành nào đang phát triển, ngành nào có nguy cơ bị thay thế bởi rô-bốt.
- Xác định các môn học phù hợp với định hướng nghề nghiệp.
- Tìm hiểu chương trình học, học phí, và uy tín của các trường đại học, cao đẳng hoặc trường nghề.

– Chủ động tham gia các hoạt động xã hội, câu lạc bộ khác nhau; tham gia các buổi hướng nghiệp, hội chợ việc làm hoặc trò chuyện với những người đang làm trong ngành nghề mình muốn chọn.

– Xây dựng và thực hành kế hoạch phát triển sở trường liên quan đến định hướng nghề nghiệp trong tương lai.

– Bồi dưỡng các năng lực và kỹ năng thiết yếu: kỹ năng số (thành thạo công nghệ, sử dụng AI làm công cụ hỗ trợ công việc,...), kỹ năng mềm (tư duy phản biện, giải quyết vấn đề phức tạp, kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm,...), ngoại ngữ,...

– Trải nghiệm thực tiễn nghề nghiệp dự định lựa chọn.

### C. LUYỆN TẬP

1. Em đồng tình hay không đồng tình với các quan điểm sau? Vì sao?

a) Chọn nghề theo yêu cầu của gia đình.

b) Coi AI là công cụ hỗ trợ và chủ động học cách làm chủ công nghệ.

c) Chủ động tự nhận thức về sở thích, năng lực và điều kiện bản thân.

d) Đợi đến sau khi tốt nghiệp trung học phổ thông mới bắt đầu tìm hiểu.

e) Chỉ có thị trường việc làm ở các thành phố lớn mới mang lại thu nhập cao.

2. Đọc trường hợp và trả lời các câu hỏi:

Hương là học sinh lớp 12 tại một trường trung học phổ thông ở Ninh Bình. Hương có năng khiếu về ngoại ngữ và rất yêu thích văn hoá địa phương. Bố mẹ muốn Hương thi vào ngành Kế toán vì cho rằng nghề này ổn định. Tuy nhiên, Hương nhận thấy với sự phát triển của du lịch số (Digital Tourism) và sự chuyển dịch kinh tế tại Ninh Bình, các nghề như Quản trị lữ hành quốc tế hoặc Chuyên viên Marketing di sản đang rất khát nhân lực chất lượng cao, đặc biệt là những người biết ứng dụng công nghệ 4.0.

1. Nếu là Hương, em sẽ làm gì để thuyết phục bố mẹ về lựa chọn của mình?

2. Việc Hương tìm hiểu về đặc điểm kinh tế địa phương và xu hướng 4.0 thể hiện trách nhiệm nào của học sinh trong định hướng nghề nghiệp?

3. Làm thế nào để Hương vừa giữ được đam mê văn hoá, vừa không bị tụt hậu trước sự phát triển của AI trong ngành dịch vụ?

### D. VẬN DỤNG

#### **Dự án tìm hiểu nhu cầu nghề nghiệp của tỉnh Ninh Bình**

##### **a) Nhiệm vụ**

Xác định được nhu cầu về nghề nghiệp của tỉnh Ninh Bình trong tương lai và lập kế hoạch thực hiện để đạt được mục tiêu ngành nghề mà em cho là phù hợp với bản thân.

### ***b) Tiến trình thực hiện***

Bước 1. Tìm hiểu về định hướng phát triển kinh tế của tỉnh Ninh Bình.

Bước 2. Đánh giá, dự báo về nhu cầu nghề nghiệp ở tỉnh Ninh Bình trong tương lai (Ngành nghề nào sẽ phát triển? Vị trí việc làm nào ở ngành nghề đó đang thiếu trong tương lai?).

Bước 3. Phân tích thông tin về nghề nghiệp và thị trường tuyển dụng trong tương lai để lựa chọn một vị trí việc làm trong ngành nghề mà em cho rằng phù hợp nhất với bản thân. Giải thích về sự lựa chọn đó.

Bước 4. Làm báo cáo kết quả dự án học tập.

### ***c) Đánh giá***

Sản phẩm của dự án sẽ được đánh giá theo các tiêu chí sau:

(1) Cấu trúc rõ ràng, logic, thể hiện đầy đủ các nội dung: Định hướng phát triển kinh tế của Ninh Bình; Dự báo nhu cầu nghề nghiệp và lao động của Ninh Bình trong tương lai; Thông tin về vị trí việc làm trong ngành nghề phù hợp với bản thân.

(2) Nội dung: Thông tin phản ánh đầy đủ và chính xác, có ví dụ minh họa và minh chứng kèm theo.

(3) Trình bày kết quả dự án trước lớp: Diễn đạt lưu loát, thuyết phục.

## Chủ đề 6

# NÔNG NGHIỆP THÔNG MINH TỈNH NINH BÌNH

Học xong chủ đề này, em sẽ:

- Trình bày được khái niệm nông nghiệp thông minh.
- Nêu được vai trò, vị trí và triển vọng phát triển nền nông nghiệp thông minh tỉnh Ninh Bình.
- Nhận biết được xu hướng phát triển nông nghiệp thông minh ở tỉnh Ninh Bình.
- Mô tả được một số mô hình nông nghiệp thông minh của tỉnh Ninh Bình.

## Bài 1. PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP THÔNG MINH Ở TỈNH NINH BÌNH

### A. MỞ ĐẦU

Theo em, một người nông dân ở Ninh Bình có thể vừa ngồi uống nước chè trong nhà, vừa tưới nước cho hàng héc-ta rau màu ngoài đồng được không? Bằng cách nào?



Hình 6.1. Bác nông dân Ninh Bình

### B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

#### 1. Nông nghiệp thông minh

##### 1.1. Khái niệm

Nông nghiệp thông minh là nền nông nghiệp ứng dụng các công nghệ hiện đại (như IoT, AI, Big Data) vào quy trình sản xuất nhằm tối ưu hoá năng suất, chất lượng và giảm thiểu công sức con người.

Nông nghiệp thông minh hoạt động dựa trên sự kết hợp của nhiều công nghệ kĩ thuật số như: internet vạn vật (IoT), trí tuệ nhân tạo (AI), dữ liệu lớn

(Big Data), rô-bốt và máy bay không người lái (Drone), công nghệ chuỗi – khối (Blockchain) giúp truy xuất nguồn gốc nông sản minh bạch.



Hình 6.2. Mô hình nông nghiệp thông minh

### 1.2. Từ nông nghiệp truyền thống sang nông nghiệp dữ liệu

Ông bà ta ngày xưa khi làm nông thường có câu:

"Trông trời, trông đất, trông mây,  
Trông mưa, trông nắng, trông ngày, trông đêm."

Theo em, những người nông dân thế hệ 4.0 ngày nay ra đồng sẽ "trông" vào đâu?

Nông nghiệp truyền thống chủ yếu dựa vào sức lao động thủ công, các công cụ cơ giới đơn giản và kinh nghiệm tích lũy qua nhiều thế hệ. Người nông dân hoàn toàn bị động trước thời tiết và sâu bệnh, dẫn đến năng suất bấp bênh và thường lãng phí tài nguyên như nước, phân bón do canh tác theo cảm tính.



Hình 6.3. Nông nghiệp truyền thống ở Ninh Bình

Nông nghiệp dữ liệu là phương thức canh tác sử dụng dữ liệu thu thập được làm cơ sở cho mọi quyết định canh tác. Mô hình này vận hành gồm ba bước lặp đi, lặp lại liên tục là: (1) Thu thập dữ liệu; (2) Xử lý và phân tích dữ liệu; (3) Ra quyết định giúp cá nhân hoá việc chăm sóc, tối ưu hoá nguồn lực, giảm thiểu triệt để sự lãng phí tài nguyên (nước, phân bón, thuốc trừ sâu,...), tiết kiệm chi phí và bảo vệ môi trường. Ngoài ra, phương thức này còn giúp dự đoán trước những rủi ro có thể gặp như năng suất mùa vụ, thời điểm bùng phát dịch bệnh để có biện pháp phòng ngừa sớm.



Hình 6.4. Nông nghiệp dữ liệu ở Ninh Bình

Sự chuyển đổi từ nông nghiệp truyền thống sang nông nghiệp dữ liệu là một bước ngoặt trong tư duy sản xuất. Người nông dân chuyển từ phương thức canh tác truyền thống, chủ yếu dựa vào kinh nghiệm cá nhân như quan sát thời tiết “trông trời, trông đất, trông mây,...” sang phương thức nông nghiệp dữ liệu là dựa trên những con số, dữ liệu thực tế chính xác thu thập được từ các thiết bị giám sát môi trường và cây trồng, vật nuôi để đưa ra các quyết định gieo trồng, chăm sóc và thu hoạch.

## 2. Vai trò, vị trí và triển vọng phát triển của nông nghiệp thông minh tỉnh Ninh Bình

### 2.1. Vai trò, vị trí của nông nghiệp thông minh trong cơ cấu kinh tế ở Ninh Bình

Nông nghiệp thông minh giúp nông dân Ninh Bình phát triển sản xuất bền vững gắn liền với bảo vệ môi trường.

– *Tối ưu hoá năng suất và chất lượng nông sản*: Nhờ hệ thống cảm biến đo độ ẩm, nhiệt độ và ánh sáng, người nông dân có thể tạo ra môi trường sinh trưởng hoàn hảo nhất cho cây trồng và vật nuôi. Các công nghệ như camera và AI có thể quét cánh đồng để phát hiện sớm các dấu hiệu dịch bệnh, giúp xử lý kịp thời trước khi lây lan. Nhờ cảnh báo sớm, nông dân quản lý rủi ro và ứng phó kịp thời giảm thiểu thiệt hại, tiết kiệm nhân lực, thời gian, qua đó gia tăng đáng kể năng suất cùng chất lượng nông sản.

– *Tối ưu hoá quản lý tài nguyên*: Trước thực trạng đất nông nghiệp bị thu hẹp cùng thiên tai và biến đổi khí hậu diễn biến phức tạp, ngành nông nghiệp đang gặp nhiều khó khăn. Để tháo gỡ, nông nghiệp thông minh tại Ninh Bình đã ứng dụng công nghệ IoT, AI,... gồm các cảm biến, phần mềm và hệ thống tự động nhằm thu thập, phân tích dữ liệu về thời tiết, đất đai, sâu bệnh, cây trồng, đưa ra phương án giải quyết và chủ động giải quyết một cách tự động. Nhờ đó, nông dân sử dụng nguồn nước và phân bón một cách chính xác, giúp tối ưu hoá quá trình sản xuất đồng thời giảm thiểu đáng kể các tác động tiêu cực đến môi trường.

– *Thích ứng linh hoạt với biến đổi khí hậu*: Dựa trên các dự báo thời tiết tiên tiến và phân tích dữ liệu lịch sử, nông dân có thể đưa ra các quyết định gieo trồng và thu hoạch phù hợp, giảm thiểu rủi ro do thiên tai, bão lũ hay hạn hán gây ra.

– *Giải phóng sức lao động và nâng cao thu nhập*: Các loại robot thu hoạch, máy cày tự lái, hệ thống tưới nước tự động và hệ thống cho ăn tự động,... giúp giải phóng con người khỏi những công việc nặng nhọc. Sản phẩm sạch, đạt tiêu chuẩn chất lượng cao dễ dàng tiếp cận các thị trường khó tính, mang lại thu nhập cao hơn cho người nông dân.

## 2.2. Triển vọng phát triển của nông nghiệp thông minh ở Ninh Bình

Dựa trên các xu hướng hiện tại, nông nghiệp thông minh tại Ninh Bình có triển vọng phát triển mạnh mẽ theo các xu hướng như sau:

– *Cơ giới hoá đồng bộ và tự động hoá*: Triển vọng mở rộng việc sử dụng thiết bị bay (drone) để phun thuốc, gieo hạt trên các cánh đồng mẫu lớn (như tại xã Yên Mô, xã Yên Khánh, xã Xuân Trường, xã Trục Ninh, xã Giao Thủy,...) và áp dụng hệ thống tưới tiết kiệm nhờ sử dụng các cảm biến độ ẩm tại các vùng chuyên canh cây ăn quả (như vùng trồng dứa tại phường Tam Điệp).

– *Chuyển đổi số và quản trị thông minh*: Mục tiêu của nông nghiệp thông minh là phổ cập nhật kí điện tử và số hoá dữ liệu về đất đai, nguồn nước. Nhờ đó, việc dự báo dịch bệnh và mùa vụ sẽ chuẩn xác hơn, giúp giảm rủi ro sản xuất đồng thời kiểm soát chặt chẽ nguồn gốc và chất lượng nông sản. Tương lai ngành này gắn liền với công nghệ chuỗi – khối (blockchain) nhằm tạo ra hệ thống dữ liệu bất biến. Người mua chỉ cần quét mã thông tin (QR) là truy xuất được toàn bộ vòng đời của bó rau trên tay: từ loại hạt giống, quy trình chăm sóc, thu hoạch đến khâu vận chuyển.

– *Gắn kết với tăng trưởng xanh và du lịch*: Phát triển nông nghiệp thông minh theo hướng hữu cơ, ứng dụng công nghệ cao không chỉ để sản xuất mà còn để phục vụ du lịch sinh thái. Triển vọng này đặc biệt rõ nét tại các khu vực như phường Hoa Lư, xã Gia Viễn (vùng đệm Tràng An), nơi nông nghiệp hỗ trợ cho ngành du lịch mũi nhọn của tỉnh.

– *Sự hình thành thế hệ nông dân công nghệ*: Sự phát triển này kéo theo sự thay đổi triệt để về nguồn nhân lực. Hình ảnh người nông dân truyền thống sẽ dần được thay thế bằng các “kỹ sư công nghệ nông nghiệp”, “nhà phân tích dữ liệu canh tác”. Điều này mở ra nhu cầu rất lớn về việc đổi mới chương trình giáo dục để đào tạo ra những thế hệ làm chủ công nghệ canh tác mới.

### C. LUYỆN TẬP

1. Nông nghiệp thông minh hoạt động dựa trên sự kết hợp của các công nghệ nào?
  - A. Kinh nghiệm dân gian, công cụ thủ công và giống cây trồng truyền thống.
  - B. Công nghệ in 3D, năng lượng hạt nhân và nhiên liệu hoá thạch.
  - C. Internet vạn vật (IoT), trí tuệ nhân tạo (AI), dữ liệu lớn (Big Data), drone và blockchain.
  - D. Máy cày cơ giới hoá và hệ thống tưới tiêu sử dụng sức kéo động vật.
2. Thiết bị công nghệ nào sau đây được người nông dân sử dụng để phun thuốc bảo vệ thực vật, gieo hạt và giám sát đồng ruộng trên quy mô lớn nhằm giảm sức lao động cho con người?
  - A. Hệ thống nhà màng, nhà kính.
  - B. Hệ thống tưới nhỏ giọt tự động.
  - C. Thiết bị bay không người lái (drone).
  - D. Cảm biến đo độ ẩm và dinh dưỡng trong đất.
3. Trong xu hướng chuyển đổi số tại Ninh Bình, công nghệ blockchain được ứng dụng nhằm mang lại lợi ích cụ thể nào cho người tiêu dùng?
  - A. Điều khiển tự động hệ thống tưới nhỏ giọt trong nhà màng.
  - B. Hỗ trợ thiết bị bay không người lái (drone) tự động phun thuốc bảo vệ thực vật.
  - C. Giúp phân tích dữ liệu lịch sử thời tiết để phòng tránh bão lũ.
  - D. Giúp người mua quét mã QR để truy xuất toàn bộ nguồn gốc và quy trình sản xuất nông sản.

### D. VẬN DỤNG

Cho tình huống sau:

Bác An là chủ một hợp tác xã nông nghiệp sở hữu cánh đồng lúa mẫu lớn tại xã Quang Hưng. Vào thời kỳ lúa trổ bông, thời tiết ẩm ướt khiến rầy nâu có nguy cơ bùng phát. Do diện tích quá lớn, nhân công khan hiếm, bác An không thể đi kiểm tra từng mét vuông lúa và cũng không muốn phun thuốc trừ sâu ồ ạt cho toàn bộ cánh đồng vì sợ gây ô nhiễm đất, nước và lãng phí chi phí.

Dựa vào kiến thức về “Nông nghiệp thông minh”, em hãy tư vấn cho bác An một giải pháp công nghệ kết hợp hiệu quả nhất để giải quyết vấn đề trên.

## Bài 2. MỘT SỐ MÔ HÌNH NÔNG NGHIỆP THÔNG MINH Ở TỈNH NINH BÌNH

### A. MỞ ĐẦU



Hình 6.5. Nhà màng trồng dưa lưới tại xã Phú Long



Hình 6.6. Máy bay không người lái sử dụng trong nông nghiệp tại xã Liêm Hà

Quan sát hình 6.5, hình 6.6 và cho biết:

1. Để vận hành các khu sản xuất như trong hình, người nông dân có thể ứng dụng những thành tựu khoa học kỹ thuật mới nào?
2. Việc áp dụng các công nghệ mà em đã chỉ ra giúp ích gì cho người nông dân trong sản xuất?

### B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

#### 1. Một số mô hình nông nghiệp thông minh ở tỉnh Ninh Bình

##### 1.1. Mô hình nhà màng trồng hoa và rau, quả sạch

Nhà màng sử dụng trong sản xuất nông nghiệp là một mô hình khép kín và sử dụng nhiều công nghệ tự động. Khung nhà thường làm bằng thép mạ kẽm nóng có khả năng chịu lực cao, thiết kế dạng mái vòm hoặc mái nhọn giúp thoát nước mưa nhanh và tối ưu hoá lượng ánh sáng tự nhiên chiếu vào. Màng phủ chuyên dụng (Polyethylene – PE) không chỉ có tác dụng chống mưa, ngăn côn trùng gây hại mà còn có tác dụng khuếch tán ánh sáng đi sâu vào các tầng lá, ngăn tia UV, giảm thiểu nấm bệnh,...

Nhà màng sử dụng các cảm biến thu thập dữ liệu về điều kiện môi trường (nhiệt độ, độ ẩm, ánh sáng, độ pH, nồng độ khí CO<sub>2</sub>,...) theo thời gian thực và gửi dữ liệu về bộ xử lý trung tâm (IoT và AI). Bộ xử lý trung tâm nhận, phân tích dữ liệu và chuyển thông tin đến hệ thống điều khiển để điều khiển các thiết bị quạt hút, quạt thông gió, máy bơm,... Người nông dân có thể cập nhật các thông tin về quá trình điều khiển thiết bị, điều kiện môi trường, dữ liệu cây trồng trong nhà màng thông qua quá trình liên kết với điện thoại thông minh, Internet vạn vật kết nối.

Nhà màng có nhiều lợi ích trong trồng trọt do có thể kiểm soát và điều chỉnh được các tác động có hại cho cây trồng so với môi trường tự nhiên, góp phần nâng cao năng suất, sản xuất trái vụ, tiết kiệm nước và phân bón, tăng chất lượng sản phẩm nông sản, đáp ứng các tiêu chuẩn sản xuất rau, quả sạch.

1. Em hãy phân tích vai trò của bộ xử lý trung tâm trong việc liên kết hai khối còn lại để giúp hệ thống nhà màng có thể vận hành tự động và tối ưu hoá điều kiện sinh trưởng cho cây trồng.
2. Việc sản xuất "trái vụ" trong nhà màng mang lại lợi ích kinh tế gì cho người nông dân ở tỉnh Ninh Bình so với canh tác truyền thống?



Hình 6.7. Nhà màng trồng hoa tại phường Phù Vân



Hình 6.8. Nhà màng trồng rau sạch tại xã Vĩnh Trụ

### 1.2. Mô hình chuồng nuôi kín

Chuồng nuôi kín là mô hình chăn nuôi áp dụng công nghệ tiên tiến đảm bảo năng suất và chất lượng, kiểm soát được các dịch bệnh hay gặp trên vật nuôi. Chuồng nuôi kín có kết cấu tường, trần làm bằng vật liệu cách nhiệt để ngăn chặn sự thất thoát nhiệt và chống lại sức nóng của mặt trời. Chuồng được trang bị hệ thống làm mát (Cooling Pad) ở đầu lấy khí gồm các khung giá đỡ lắp các tấm giấy

làm mát, nước được tưới đều lên các tấm giấy này, không khí nóng đi qua các tấm giấy sẽ giảm một phần nhiệt độ. Cuối chuồng lắp quạt hút thổi khí trong chuồng nuôi ra ngoài tạo áp suất cho đầu vào cung cấp khí mới.

Chuồng nuôi kín áp dụng công nghệ cho ăn, uống tự động thông qua hệ thống dẫn thức ăn từ tháp cao (silo) vào các máng ăn, có các núm uống chống tràn đảm bảo sạch, khô ráo, giúp tiết kiệm nhân công và hạn chế tối đa việc con người tiếp xúc trực tiếp với vật nuôi. Hệ thống chiếu sáng có khả năng điều chỉnh cường độ ánh sáng để kích thích sinh trưởng, phù hợp với chu kỳ vật nuôi.

Hệ thống điều khiển và giám sát gồm các cảm biến đo nhiệt độ, độ ẩm được đặt ở các vị trí trong chuồng. Khi nhiệt độ trong chuồng tăng, hệ thống điều khiển bật thêm quạt gió hoặc hệ thống làm mát. Trong hệ thống chuồng nuôi kín phải có máy phát điện dự phòng.

Chuồng nuôi kín có tác dụng kiểm soát nhiệt độ hoàn hảo, là “lá chắn” tốt nhất ngăn chặn được các nguồn dịch bệnh vật nuôi, tối ưu hoá hiệu quả sử dụng thức ăn, tăng mật độ chăn nuôi trên một đơn vị diện tích chuồng nuôi.



Hình 6.9. Mô hình chăn nuôi lợn thảo dược tại xã Minh Thái



Hình 6.10. Mô hình chăn nuôi gà đẻ trứng tại xã Hải Xuân

1. Tại sao hệ thống chuồng nuôi kín bắt buộc phải có máy phát điện dự phòng?
2. Phân tích những ưu điểm của mô hình chuồng nuôi kín so với phương pháp chăn nuôi truyền thống tại Ninh Bình.

### 1.3. Mô hình nuôi thủy sản trong nhà kính

Nuôi thủy sản trong nhà kính đang được áp dụng rộng rãi tại tỉnh Ninh Bình đặc biệt là các xã ven biển. Nhà kính có tác dụng ngăn mưa, che nắng gắt, ngăn tảo có hại phát triển quá mức, ứng dụng công nghệ vi sinh trong sản xuất nhằm cải thiện môi trường. Đáy và bờ ao được lót bạt chống thấm chuyên dụng để ngăn

nước thấm qua đất, hạn chế các tác nhân gây ô nhiễm ảnh hưởng đến các loài thủy sản nuôi. Nhà kính được trang bị các thiết bị, máy móc công nghệ cao để phục vụ sản xuất (hệ thống camera để theo dõi và quản lí ao nuôi, máy cho ăn tự động để giảm sức lao động và tăng hiệu quả sử dụng thức ăn, máy phát điện tự động, máy quạt nước, máy sục khí, máy phun mưa thông qua thiết bị điều khiển từ xa).

*So với việc nuôi thủy sản ngoài trời truyền thống, mô hình nuôi thủy sản trong nhà kính tại các xã ven biển tỉnh Ninh Bình có những ưu điểm vượt trội nào về môi trường và năng suất chất lượng sản phẩm?*



Hình 6.11. Mô hình nuôi tôm trong nhà kính tại xã Bình Minh



Hình 6.12. Khu nuôi tôm công nghệ cao tại xã Giao Ninh

## 2. Xây dựng kế hoạch ứng dụng công nghệ thông minh trong sản xuất một sản phẩm nông nghiệp tại địa phương

### 2.1. Tên kế hoạch: “Sáng kiến nông nghiệp thông minh quê em”

Đóng vai là những “kỹ sư nông nghiệp tương lai”, đề xuất giải pháp áp dụng các công nghệ cao vào trồng trọt hoặc chăn nuôi một loại cây trồng, vật nuôi cụ thể tại địa phương.

### 2.2. Các nội dung chính của kế hoạch

**a) Phân tích thực trạng:** Lựa chọn một đối tượng sản xuất tại địa phương và chỉ ra những khó khăn nếu thực hiện theo cách truyền thống, có thể tham khảo ý kiến người dân địa phương.

**b) Đề xuất giải pháp công nghệ:** Lựa chọn mô hình phù hợp, các thiết bị thông minh cần thiết.

c) **Đánh giá lợi ích:** Dự báo năng suất, chất lượng sản phẩm và khả năng kiểm soát dịch bệnh khi áp dụng mô hình mới, khả năng xây dựng chuỗi cung ứng sản phẩm.

### 2.3. Hình thức trình bày kế hoạch

a) **Thiết kế mô hình của kế hoạch:** Sử dụng vật liệu tái chế để làm mô hình có chú thích các bộ phận kỹ thuật liên quan đến các thiết bị công nghệ.

b) **Nội dung của báo cáo kế hoạch:** Trình bày được các nội dung cụ thể, nêu được sơ đồ vận hành của hệ thống điều khiển thông minh từ cảm biến đến bộ xử lý trung tâm.



Hình 6.13. Sơ đồ quy trình kế hoạch

## C. LUYỆN TẬP

Hãy mô tả một mô hình sản xuất nông nghiệp thông minh ở địa phương em.

## D. VẬN DỤNG

Từ nội dung mục II của bài học, hãy xây dựng một báo cáo về sơ đồ vận hành hệ thống điều khiển thông minh cho một đối tượng (cây trồng, vật nuôi) cụ thể tại địa phương.

Gợi ý: Chia sơ đồ trên thành 3 khối cơ bản:

- Khối thu thập thông tin** (các cảm biến)
- Khối xử lý dữ liệu** (bộ xử lý trung tâm)
- Khối thực thi** (thiết bị chấp hành)

*Em có biết?*

## CÁC ĐẶC ĐIỂM CỦA MÀNG PE

### 1. Tính chất quang học

- Độ truyền sáng: Thường dao động từ 85 đến 92 % lượng ánh sáng tự nhiên. Màng tốt phải cho phép ánh sáng hữu hiệu đi qua tối đa.
- Độ khuếch tán ánh sáng: Màng PE hiện đại có các hạt khuếch tán giúp ánh sáng không đi thẳng mà toả đều mọi góc ngách. Điều này giúp lá dưới thấp cũng nhận được năng lượng và tránh tình trạng “cháy lá” do ánh sáng quá gắt.

### 2. Tính chất nhiệt học

- Ngăn tia hồng ngoại: Màng PE cao cấp có khả năng giữ lại bức xạ nhiệt bên trong nhà màng vào ban đêm, giúp duy trì nhiệt độ ấm áp hơn so với bên ngoài vào mùa đông.
- Chống sốc nhiệt: Giúp ổn định nhiệt độ, tránh việc tăng hoặc giảm nhiệt quá đột ngột gây hại cho cây.

### 3. Tính chất bề mặt

- Chống đọng sương: Đây là tính năng cực kì quan trọng. Nó khiến hơi nước ngưng tụ thành lớp màng mỏng chảy về hai phía thay vì nhỏ giọt trực tiếp xuống lá, giúp giảm thiểu nấm bệnh.
- Chống bám bụi: Bề mặt màng được xử lí trơn láng để bụi bẩn dễ trôi đi khi mưa, đảm bảo độ trong suốt theo thời gian.

### 4. Tính chất cơ lí và độ bền

- Độ dẻo dai và chịu lực: Màng PE được chế tạo nhiều lớp (thường là 3 – 5 lớp) để tăng khả năng chịu gió to, mưa đá và sức căng khi thi công.
- Kháng tia UV: Bản chất nhựa PE sẽ bị mủn dưới nắng mặt trời. Do đó, màng phải được thêm chất ổn định để kéo dài tuổi thọ (thường là 3 – 5 năm tùy loại).

## Bảng giải thích thuật ngữ

STT	Thuật ngữ	Nghĩa sử dụng trong tài liệu
<b>Chủ đề 1:</b>		
<b>Chủ đề 2. Nguồn lực phát triển kinh tế – xã hội tỉnh Ninh Bình</b>		
1	PCI	(Provincial Competitiveness Index): Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh. Đây là chỉ số đo lường và đánh giá chất lượng điều hành kinh tế, mức độ thuận lợi, thân thiện của môi trường kinh doanh và nỗ lực cải cách hành chính của chính quyền các tỉnh, thành phố tại Việt Nam.
2	PAR INDEX	(Public Administration Reform Index): Chỉ số cải cách hành chính
3	SIPAS	(Satisfaction Index of Public Administrative Services): Chỉ số sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước.
<b>Chủ đề 3:</b>		
<b>Chủ đề 4:</b>		
<b>Chủ đề 5:</b>		
<b>Chủ đề 6. Nông nghiệp thông minh tỉnh Ninh Bình</b>		
4	Nông nghiệp dữ liệu	Phương thức canh tác hiện đại sử dụng dữ liệu thu thập được làm cơ sở cho mọi quyết định canh tác, thay vì dựa vào kinh nghiệm quan sát thời tiết cảm tính truyền thống.
5	Nông nghiệp thông minh	Nền nông nghiệp ứng dụng đồng bộ các công nghệ kỹ thuật số hiện đại (như IoT, AI, Big Data, máy bay không người lái...) vào quy trình sản xuất nhằm tối ưu hoá năng suất, chất lượng, giảm thiểu lãng phí tài nguyên và công sức lao động của con người.
6	Màng PE (Polyethylene)	Loại màng phủ chuyên dụng có đặc tính quang học, nhiệt học và độ bền cao dùng trong hệ thống nhà màng, giúp chống mưa, ngăn côn trùng, khuếch tán ánh sáng hữu hiệu, kháng tia UV, chống đọng sương và ngăn ngừa sốc nhiệt cho cây.
7	Nhà màng	Mô hình sản xuất nông nghiệp khép kín sử dụng khung thép mạ kẽm chịu lực và màng phủ chuyên dụng PE, tích hợp hệ thống cảm biến và bộ xử lý trung tâm (IoT & AI) để tự động điều chỉnh môi trường sinh trưởng tối ưu nhất cho cây trồng.

## Tài liệu tham khảo

1. Bản lược kê lí lịch di tích Cột cờ Nam Định.
2. Lí lịch khu di tích lịch sử và kiến trúc nghệ thuật Phủ Dầy; Cố đô Hoa Lư. Lí lịch Quần thể danh thắng Tràng An; Tam Chúc. Lí lịch di tích Đền Trần – Chùa Phổ Minh (Chùa Tháp). Lí lịch di tích Quốc gia đặc biệt đền Trần Thương; chùa Đọi Sơn.
3. Địa chí tỉnh Hà Nam, Nam Định, Ninh Bình.
4. Niên giám thống kê tỉnh Hà Nam, Nam Định, Ninh Bình qua các năm.
5. Quy hoạch tỉnh Ninh Bình thời kì 2021 – 2030, tầm nhìn 2050.
6. *Thực trạng kinh tế – xã hội tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2021 – 2025*, NXB Kinh tế – Tài chính, 2025.
7. Nguyễn Lộc, *Văn học Việt Nam nửa cuối thế kỉ XIX*, NXB Đại học và Trung học chuyên nghiệp, 1971.
8. Quốc hội, Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12/6/2025 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh.
9. Báo cáo số 110-BC/TU sơ kết 5 năm thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 28/12/2016 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển nguồn nhân lực tỉnh Ninh Bình đến năm 2020, định hướng đến năm 2030, Tỉnh ủy Ninh Bình, 2016.
10. Kế hoạch số 202/KH-UBND ngày 09/12/2021 của UBND tỉnh Ninh Bình về việc triển khai Thực hiện Kết luận số 92-KL/TU ngày 21/10/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TU, ngày 28/12/2016 của BCH Đảng bộ tỉnh về phát triển nguồn nhân lực tỉnh Ninh Bình đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.
11. Nghị quyết của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh về chiến lược phát triển giáo dục và đào tạo tỉnh Ninh Bình đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, Tỉnh ủy Ninh Bình, 2026.
12. Quyết định số 1002/QĐ-TTg ngày 24/5/2025 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án đào tạo nguồn nhân lực phục vụ phát triển công nghệ cao giai đoạn 2025 – 2035 và định hướng đến năm 2045 (sau đây viết tắt là Quyết định số 1002/QĐ-TTg).
13. Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Ninh Bình lần thứ XXII, Tỉnh ủy Ninh Bình, 2020.
14. Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Ninh Bình lần thứ I, nhiệm kì 2025 – 2030, Tỉnh ủy Ninh Bình, 2026.

15. Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình, Báo cáo điều chỉnh quy hoạch tỉnh Ninh Bình thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Ninh Bình, 2026.
16. Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình, Báo cáo số 488/BC-UBND ngày 06/12/2025 về tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế – xã hội năm 2025, phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế – xã hội năm 2026.
17. Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình, *Đề án phát triển kinh tế nông nghiệp theo hướng sinh thái, ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2022 – 2025*, Ninh Bình, 2022.
18. Nguyễn Hữu Châm, *Hệ thống cảm biến và Internet vạn vật (IoT) trong nông nghiệp thông minh*, NXB Khoa học và Kỹ thuật, 2021.

## Bản quyền/nguồn hình ảnh

STT	Hình ảnh	Bản quyền/nguồn hình ảnh
<b>Chủ đề 1. Di tích lịch sử – văn hoá tỉnh Ninh Bình</b>		
1	Hình 1.1 Hình 1.3 Hình 1.7 Hình 1.8 Hình 1.9 Hình 1.13 Hình 1.14 Hình 1.15 Hình 1.16 Hình 1.17 Hình 1.18 Hình 1.19 Hình 1.27 Hình 1.28 Hình 1.29	Bảo tàng Ninh Bình
2	Hình 1.2 Hình 1.20 Hình 1.22	Ninh Mạnh Thắng
3	Hình 1.4 Hình 1.5 Hình 1.6 Hình 1.11 Hình 1.12 Hình 1.26	Hoàng Thị Thuỷ
4	Hình 1.10	Trung tâm Bảo tồn di tích lịch sử – văn hoá Cố đô Hoa Lư
5	Hình 1.21	Trung Nguyễn Hữu
6	Hình 1.23 Hình 1.24	Xuân Lâm
7	Hình 1.25	Đào Minh Tiên
<b>Chủ đề 2. Nguồn lực phát triển kinh tế – xã hội tỉnh Ninh Bình</b>		
8	Hình 2.1	Nguyễn Thanh Xuân
9	Hình 2.2	Nguyễn Thanh Xuân
10	Hình 2.3	baoninhbinh.org.vn
11	Hình 2.4	Thống kê tỉnh Ninh Bình
12	Hình 2.5	Vũ Thế Minh

13	Hình 2.6	baoninhbinh.org.vn
14	Hình 2.7	Lê Việt Thắng
15	Hình 2.8	Thực trạng kinh tế – xã hội tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2021 – 2025, NXB Kinh tế – Tài chính, năm 2025
<b>Chủ đề 3. Ca dao – Dân ca Ninh Bình</b>		
16	Hình 3.1.	Phan Sỹ Quý
<b>Chủ đề 4. Thơ trung đại Ninh Bình</b>		
17	Hình 4.1	Báo Gia Lai, Chủ Nhật, ngày 08/05/2022
16	Hình 4.2	<a href="https://vanvn.vn/nha-tho-tran-te-xuong-mot-nhan-cach-van-hoa/">https://vanvn.vn/nha-tho-tran-te-xuong-mot-nhan-cach-van-hoa/</a>
<b>Chủ đề 5. Sự chuyển dịch nghề nghiệp và lao động ở tỉnh Ninh Bình dưới tác động của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư</b>		
17	Hình 5.1	Giao diện ứng dụng NinhBinhTourismInfo (ảnh chụp màn hình)
18	Hình 5.2	Các cuộc cách mạng công nghiệp
19	Hình 5.3	Thống kê tỉnh Ninh Bình năm 2025
20	Hình 5.4	<a href="https://nbtv.vn/news/401/43902/doanh-nghiep-det-may-tang-da-phuc-hoi-san-xuat">https://nbtv.vn/news/401/43902/doanh-nghiep-det-may-tang-da-phuc-hoi-san-xuat</a>
21	Hình 5.5	<a href="https://nbtv.vn/ninh-binh-day-manh-ung-dung-cong-nghe-cao-vao-san-xuat-nong-nghiep-35205.html">https://nbtv.vn/ninh-binh-day-manh-ung-dung-cong-nghe-cao-vao-san-xuat-nong-nghiep-35205.html</a>
<b>Chủ đề 6. Nông nghiệp thông minh tỉnh Ninh Bình</b>		
22	Hình 6.1 Hình 6.2 Hình 6.3 Hình 6.4	Tạo bởi nano Banana Pro trong AI Gemini
23	Hình 6.5 Hình 6.6 Hình 6.7 Hình 6.8 Hình 6.9 Hình 6.10 Hình 6.12	Nhóm tác giả
24	Hình 6.11	Bản quyền Tài liệu GDP tỉnh Ninh Bình (Cũ)
25	Hình 6.13	Ảnh do AI tạo ra

## Nguồn bảng số liệu

STT	Bảng	Nguồn số liệu
<b>Chủ đề 1. Di tích lịch sử - văn hoá tỉnh Ninh Bình</b>		
1	Bảng 1.1	Sở Văn hoá, Thể thao tỉnh Ninh Bình
<b>Chủ đề 2. Nguồn lực phát triển kinh tế – xã hội tỉnh Ninh Bình</b>		
2	Bảng 2.1	Tính toán từ Quy hoạch tỉnh Ninh Bình thời kì 2021 – 2030, tầm nhìn 2050; Niên giám thống kê tỉnh Hà Nam, Nam Định, Ninh Bình qua các năm
3	Bảng 2.2	Quy hoạch tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2021 – 2030, tầm nhìn 2050
<b>Chủ đề 5. Sự chuyển dịch nghề nghiệp và lao động ở tỉnh Ninh Bình dưới tác động của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư</b>		
4	Bảng 5.1 Bảng 5.2	Thống kê tỉnh Ninh Bình năm 2025

---

**TÀI LIỆU GIÁO DỤC ĐỊA PHƯƠNG TỈNH NINH BÌNH – LỚP 10**

---